PINACO

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012

PAC

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU CÔNG TY 3

Thông tin khái quát 3

Các danh hiệu tiêu biểu 5

Sản phẩm tiêu biểu 6

Sơ đồ tổ chức 7

Chiến lược phát triển 8

Rủi ro 9

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 11

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 12

Tổ chức và nhân sự 13

Tình hình tài chính 17

Thông tin cổ đông 19

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 21

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh 22

Tình hình tài chính 24

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý 25

Kế hoạch phát triển trong tương lai 26

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 29

Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty 30

Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc 31

Định hướng chiến lược 2013 31

QUẢN TRỊ CÔNG TY 33

BÁO CÁO BỀN VỮNG 36

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2012 45

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012

TỰ HÀO THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA

I. GIỚI THIỆU CÔNG TY

- Thông tin khái quát
- Các danh hiệu tiêu biểu
- Sản phẩm tiêu biểu
- Sơ đồ tổ chức
- Chiến lược phát triển
- Rủi ro

Thông tin khái quát

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

Tên tiếng anh:	DRY CELL AND STORAGE BATTERY JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	PINACO
Trụ sở chính:	Số 321 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại:	(84.8) 3920 3062 – 3920 3063
Fax:	(84.8) 3920 3060 – 3920 3061
Email:	pinaco@pinaco.com.vn
Website:	www.pinaco.com
Vốn Điều lệ:	269.878.430.000 VNĐ (Hai trăm sáu mươi chín tỷ tám trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm ba mươi ngàn đồng)
Lĩnh vực hoạt động:	- Sản xuất Pin, Ắc quy; - Kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm Pin Ắc quy, vật tư, thiết bị cho sản xuất, kinh doanh Pin, Ắc quy;
Giấy CNĐKKD:	Số 4103002690 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 23/09/2004 và đăng ký thay đổi bổ sung lần thứ 11 ngày 6/02/2013

SƠ NÉT VỀ PINACO

Công ty Cổ Phần Pin Ắc Quy Miền Nam (PINACO) được thành lập từ năm 1976, tiền thân Công ty Cổ Phần Pin Ắc Quy Miền Nam là Công ty Pin Ắc Quy Miền Nam do Tổng cục Hóa chất quyết định thành lập vào ngày 19/04/1976.

Với những thành tựu và đóng góp của mình PINACO đã vinh dự được Đảng và Nhà nước tặng thưởng nhiều Huân Huy chương và danh hiệu cao quý như: Huân chương Độc lập hạng Nhất - Nhì - Ba, Huân chương Lao động hạng Nhất - Nhì - Ba. Đặc biệt, năm 2000 PINACO đã được Nhà nước CHXHCN Việt Nam phong tặng danh hiệu "Đơn vị Anh hùng trong thời kỳ đổi mới". Gần đây nhất 2010, Công ty được phong tặng Huân chương Độc lập hạng nhất.

Cổ phần hóa năm 2004, vốn điều lệ hiện nay (2012) là 269,87 tỷ đồng. Sau 36 năm hình thành và phát triển, PINACO tự hào là doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh sản phẩm Pin - Ắc quy.

Cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên sàn HOSE vào ngày 12/12/2006.

CÁC CON SỐ THỰC HIỆN 2012

1.145,5
tỷ đồng tổng tài sản

1.870,4
tỷ đồng doanh thu

269,9
tỷ đồng vốn điều lệ

84,9
tỷ đồng lợi nhuận trước thuế

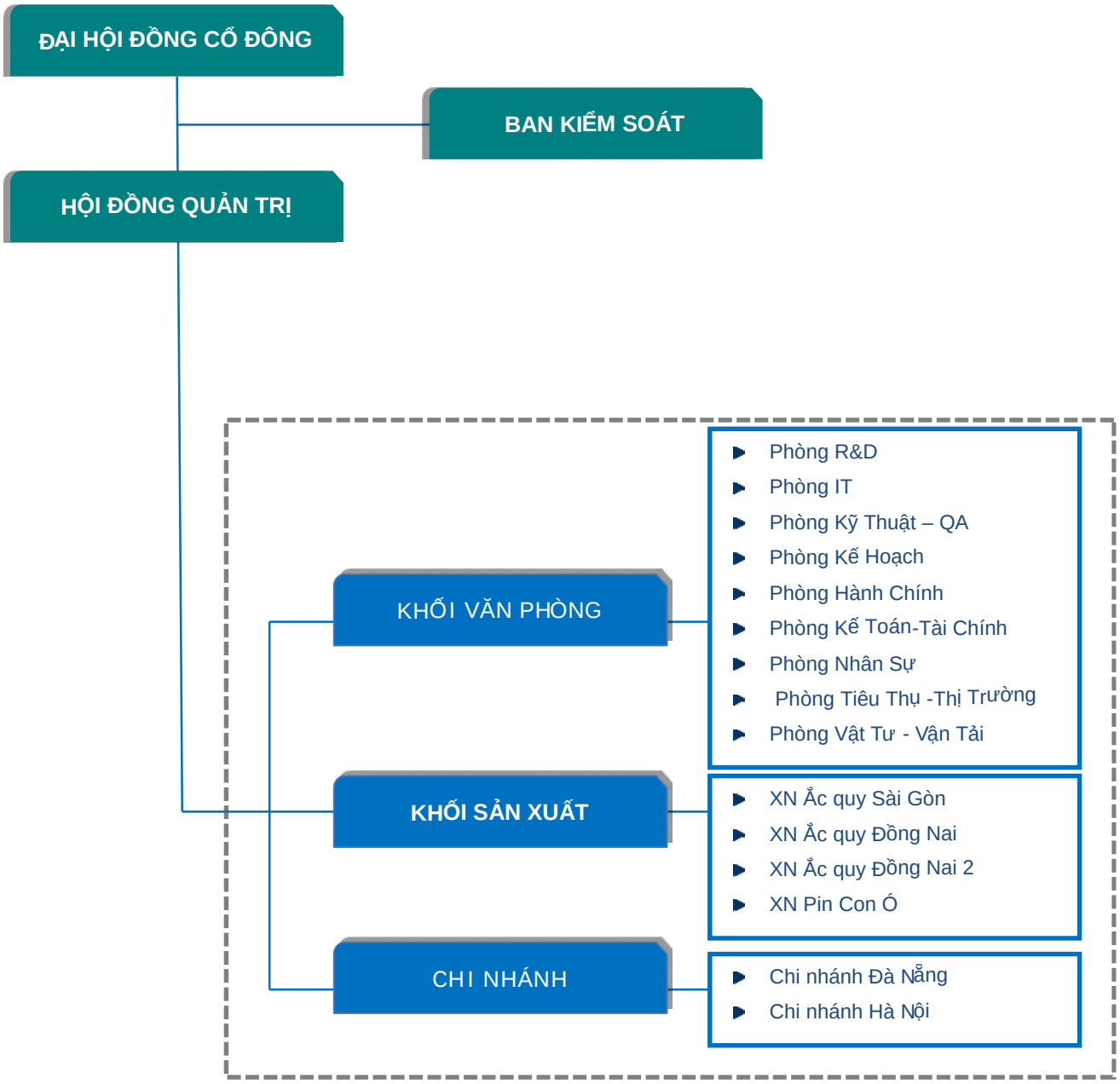
Các danh hiệu tiêu biểu

- Thương hiệu Quốc gia 2012
- Top 50 doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam (2012)
- Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao 17 năm liền (1997 – 2013)
- Huân chương độc lập hạng Nhất (2010), Nhì (2005), Ba (2002)
- Chứng nhận ISO 9001:2008 – hệ thống quản lý chất lượng (2011)
- Chứng nhận ISO/TS 16949:2009 - hệ thống quản lý chất lượng dành cho các nhà cung cấp sản phẩm cho ngành công nghiệp ô tô (2011).
- Nhà cung cấp đáng tin cậy 2011
- Sao Vàng Đất Việt (2009 – 2011)
- Go-live thành công hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp SAP ERP (2010)
- Cổ phiếu Vàng (2009)
- TOP 100 thương hiệu hàng đầu Việt Nam (2008)
- Thương hiệu chứng khoán uy tín & Công ty cổ phần hàng đầu Việt Nam (2008)
- Anh Hùng Lao động thời kỳ đổi mới (Năm 2000).
- Huân chương Lao động hạng Ba – xí nghiệp pin Con Ó (2000)

Sản phẩm tiêu biểu

HÌNH ẢNH	SẢN PHẨM
	Pin các loại Pin đại R20C/UM1/D-Size; Pin đại R20P/UM1/D-Size; Pin tiểu R6P/UM3/AA; Pin đũa 03/UM4/AAA; Pin đũa Alkaline LR6/AM3/AA; Pin tiểu Alkaline LR03/AM4/AAA
	**Ắc quy cho xe ô tô – tàu thuyền** Các chủng loại với dung lượng từ 32 Ah đến 210 Ah
Ắc quy miền bảo dưỡng (CMF) Gồm các chủng loại với dung lượng từ 35 Ah đến 100 Ah	
	**Ắc quy dân dụng** Các chủng loại với dung lượng từ 20 Ah đến 45 Ah
Ắc quy kín và Ắc quy truyền thống cho xe gắn máy Các chủng loại với dung lượng từ 4Ah đến 12Ah.	
	**Ắc quy xe đạp điện - UPS** Các chủng loại 4.5 Ah đến 7.2 Ah
Ắc quy công nghiệp Ắc quy xe điện, xe golf	

Sơ đồ tổ chức



Công ty con

STT	Tên Công ty	Loại hình	Tỷ lệ nắm giữ	Hoạt động chính
01	Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Việt Gia Phú	Công ty TNHH	60%	Kinh doanh bất động sản

Mục tiêu, chiến lược phát triển

Mục tiêu tổng quát 5 năm 2012 - 2017

Chỉ tiêu	Giá trị
Tổng doanh thu	**12.000 Tỷ đồng**
Tổng lợi nhuận trước thuế	**700 Tỷ đồng**
Tỷ lệ trả cổ tức bình quân	**20%/năm**

Chiến lược kinh doanh

- Tập trung sản xuất kinh doanh Pin và Ắc Quy, đảm bảo tăng trưởng bền vững. Duy trì sản xuất Pin, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng Ắc quy.
- Giữ ổn định chất lượng và uy tín sản phẩm trên thị trường.
- Phát triển thị trường nội địa coi đây là thị trường sống còn của công ty. Phát triển về chất hệ thống phân phối bán hàng.
- Tăng trưởng xuất khẩu đạt tỷ lệ từ 15%-18%/tổng doanh thu trên cơ sở mở rộng thị trường hiện có và khai thác thêm thị trường mới.
- Duy trì ổn định mức dự trữ hàng tồn kho phù hợp cho sản xuất và tiêu thụ. Tiên quyết với tiêu chí không tích trữ vật tư dưới hình thức mua trước đón đầu để hạn chế rủi ro kinh doanh.

Chiến lược nguồn nhân lực

- Nhận thức vấn đề: con người là yếu tố quyết định cho sự thành bại trong mọi hoạt động. Công ty đặc biệt quan tâm đến vấn đề con người và chiến lược như thế nào để con người để trở thành nguồn nhân lực đặc thù tại PINACO, thực sự tạo nên sức mạnh.
- Ưu tiên đào tạo bổ sung, đào tạo tại chỗ tăng sự hiểu biết và nâng cao trình độ năng lực chuyên môn, ngoại ngữ của đội ngũ cán bộ, kỹ sư cử nhân –CNLĐ.
- Xây dựng kế hoạch dài hạn để quy hoạch bồi dưỡng tuyển chọn đội ngũ cán bộ kế cận cấp cao và cấp trung. Tạo động lực cho cán bộ trẻ có trình độ, phấn đấu vươn lên trở thành cán bộ kế cận.
- Xây dựng môi trường làm việc lành mạnh tạo tính chủ động, sáng tạo cho toàn thể CB-NLĐ.
- Xây dựng chính sách lương thưởng rõ ràng, tạo cuộc sống tốt CB-NLĐ, giúp họ định hướng tương lai khi làm việc lâu dài gắn bó với PINACO.
- Xây dựng mô hình "Khách hàng là Trung tâm"; mọi hoạt động luôn hướng tới khách hàng và thỏa mãn nhu cầu, thị hiếu của khách hàng trên cơ sở: Uy tín, chất lượng, hiệu quả.

Chiến lược quản lý

- Tạo sự minh bạch rõ ràng trong quản trị, điều hành, có kế hoạch cụ thể cho mọi hoạt động, thiết kế môi trường kiểm tra chéo nhằm phát hiện các lỗ hổng trong quản lý để có biện pháp khắc phục kịp thời.
- Khai thác tối đa hệ thống SAP ERP. Phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp cho tất cả phân hệ nhằm phát huy tính đồng bộ các thông tin kinh tế giúp công tác quản lý chặt chẽ, hiệu quả tích cực.
- Từng bước tiến hành xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm soát rủi ro.

Chính sách về cổ tức

Đảm bảo mức chi trả cổ tức hàng năm tối thiểu là 15%. Tỷ lệ chi trả cổ tức cụ thể căn cứ vào hiệu quả kinh doanh từng năm, kế hoạch đầu tư... trên cơ sở kết hợp hài hòa 3 lợi ích: Doanh nghiệp, cổ đông, CB-CNLĐ trong đó cân nhắc đến nguyện vọng chung giữa các cổ đông lớn, cổ đông nhỏ, cổ đông là tổ chức và cổ đông là cá nhân.

Chính sách về môi trường

- Giảm bớt các tác động có hại đến môi trường trong khuôn viên sản xuất và môi trường xã hội bằng cách tuân thủ chặt chẽ những quy định hiện hành về môi trường theo luật môi trường hiện hành
- Sử dụng toàn bộ nguồn vốn khấu hao TSCĐ liên quan đến xử lý môi trường để sửa chữa duy tu, nâng cấp đầu tư mới những thiết bị xử lý khí thải, nước thải, chất thải rắn ...luôn duy trì môi trường trong sạch giữ gìn sức khỏe cho CB - CNLĐvà cộng đồng.
- Giảm gánh nặng ô nhiễm môi trường thông qua việc kiểm soát môi trường, giảm thiểu chất thải ngay từ nguồn thải, thu gom, lưu giữ theo qui định, chuyển giao chất thải cho các Công ty/đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý, tiêu huỷ chất thải có chức năng.
- Tổ chức các sự kiện về hoạt động bảo vệ môi trường, đào tạo và phổ biến kiến thức môi trường cho tất cả các nhân viên trong Công ty.
- Định kỳ xem xét thường xuyên các mục tiêu môi trường cụ thể đã đặt ra đồng thời đặt ra các mục tiêu môi trường khác cao hơn tiếp tục cải thiện.

Trách nhiệm xã hội

- Đảm bảo các hoạt động thân thiện với môi trường trong quá trình sản xuất.
- Quan tâm đến người lao động không chỉ về mặt vật chất mà còn về mặt tinh thần, tạo điều kiện giúp họ tái tạo sức lao động.
- Tôn trọng quyền bình đẳng nam nữ, không phân biệt đối xử về mặt giới tính trong tuyển dụng lao động và trả lương công bằng về năng lực của mỗi người.
- Đảm bảo cung cấp những sản phẩm có chất lượng tốt, an toàn, có trách nhiệm cuối cùng với sản phẩm sản xuất đưa ra tiêu dùng xã hội.
- Hàng năm dành một phần lợi nhuận đóng góp cho các hoạt động trợ giúp cộng đồng. Vì cộng đồng, san sẻ gánh nặng với cộng đồng, sẵn sàng chia sẻ lợi ích với cộng đồng.

Rủi ro

Rủi ro về kinh tế

So với tình hình lạm phát tăng mạnh vào năm 2011, năm 2012 nhờ những biện pháp quyết liệt của Chính phủ đã giúp cho lạm phát tại Việt Nam cơ bản đã được kiểm soát, chỉ số CPI tăng chỉ ở mức 1 con số 6,8%. Tuy nhiên song song với con số của lạm phát vẫn là nỗi lo về tổng cầu giảm do sự chậm lại của tăng trưởng GDP, chỉ ở mức 5,03% làm cho sức cầu trong năm 2012 giảm đáng kể, tình hình không khả quan của năm qua đã ảnh hưởng rất lớn đến doanh thu của hầu hết các doanh nghiệp, trong đó có PINACO.

Rủi ro về pháp luật

Đặc thù ngành Pin và Ắc quy là độc hại nên các chính sách về bảo vệ môi trường đã được PINACO tuân thủ nghiêm ngặt, hầu hết các cơ sở sản xuất nằm trong khu công nghiệp và được trang bị hệ thống xử lý các chất độc hại theo tiêu chuẩn quy định.

Rủi ro về tỷ giá

15% doanh số Công ty là từ xuất khẩu và hơn 70% nguồn cung cấp nguyên vật liệu là nhập khẩu. Khoản chênh lệch ngoại tệ do nhập siêu này nếu có biến động về tỷ giá sẽ có ảnh hưởng đến kinh doanh của Công ty.

Rủi ro về lãi suất

Trong năm 2012 lãi suất đã liên tục giảm nhằm khơi thông dòng tiền giúp các doanh nghiệp. PINACO với tiềm lực tài chính tốt, việc sử dụng vốn vay thấp nên ảnh hưởng từ chi phí vốn vay đến hiệu quả kinh doanh không nhiều.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

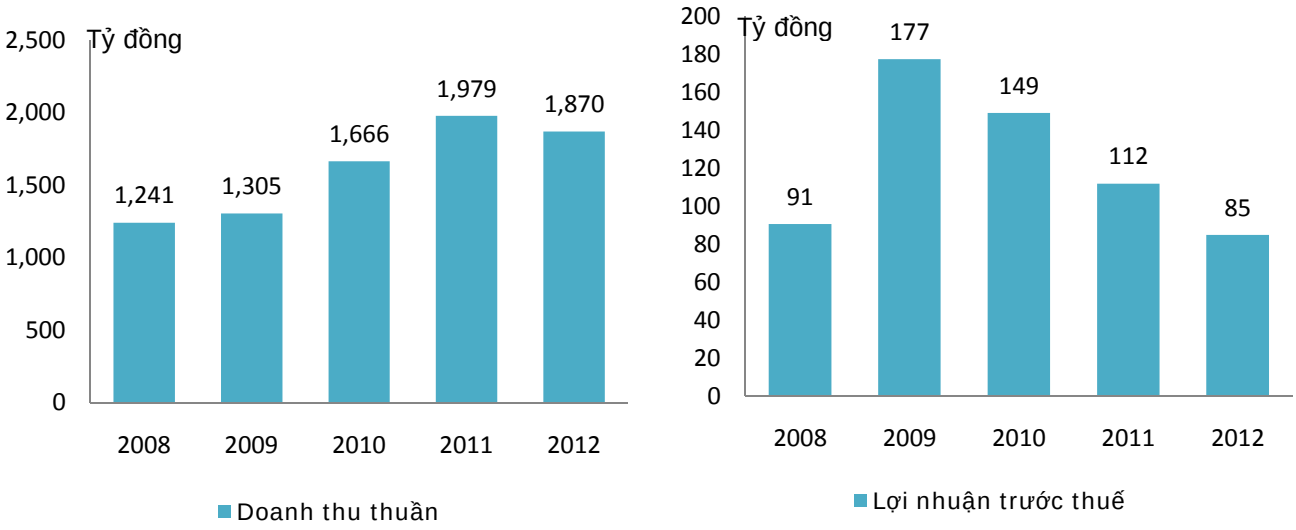
- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Thông tin cổ đông







Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh



Năm 2012, do sức cầu tiêu thụ Pin và Ắc quy suy giảm cùng chiều với tổng cầu của nền kinh tế, doanh thu của PINACO giảm 5% so với năm trước, đạt 1.870 tỷ đồng. Tuy nhiên, việc giữ vững thị phần và duy trì sản xuất ổn định trong tình hình kinh tế rất khó khăn trong năm vừa qua là sự nỗ lực tích cực, thể hiện chính sách thị trường quyết liệt đã giữ vững doanh thu nội địa và đẩy mạnh doanh thu xuất khẩu. Lợi nhuận trước thuế năm 2012 đạt 84,9 tỷ đồng, giảm 24% so với năm 2011, do biến động chi phí bán hàng, đặc biệt là chi phí khuyến mãi tăng cao theo làn sóng cạnh tranh với các hãng Pin và Ắc quy khi sức cầu giảm sút.

Một cách nhìn tổng thể vào năm 2012, mặc dù PINACO phải đối mặt với những thách thức thực sự từ bài toán không khả quan của nền kinh tế và sự cạnh tranh khốc liệt từ các hãng Pin và Ắc quy đến từ nước ngoài, trong nước, kết quả doanh thu và lợi nhuận của PINACO trong năm 2012 cũng là một thành quả tốt.

Tổ chức và nhân sự chủ chốt

Giới thiệu Hội đồng quản trị

Ông TRỊNH ANH TUẤN

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Thông tin cá nhân:

Ngày, tháng, năm sinh:24/11/1954

Quê quán : Hải Phòng

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không

Nơi thường trú: 448/9B Nguyễn Tất Thành, P 18, Q 4, TP HCM

Trình độ:

+Chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

+Lý luận chính trị: Cao cấp chính trị

Chức vụ hiện nay:

Đảng: Bí thư Đảng ủy Công ty Hợi kỹ nghệ que hàn

Chính quyền:

Phó Tổng giám đốc Tập đoàn Hóa chất VN

Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc Công ty Hơi kỹ nghệ que hàn

Chủ tịch HĐQT Công ty CP Pin Ắc Quy Miền Nam

Chủ tịch HĐQT công ty CP Công nghiệp hóa chất vi sinh

Cơ quan công tác:

Tập đoàn Hóa chất VN

Số lượng cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 8.529.652 cổ phiếu

Ông TRẦN THANH VĂN

Thành viên Hội đồng quản trị

Thông tin cá nhân:

Ngày, tháng, năm sinh: 03/01/1960

Quê quán: Bến tre

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không

Nơi thường trú: Số 15 Nguyễn Văn Mai, Quận 3, TP.HCM

Trình độ:

+Chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí – Thạc sĩ kinh tế

+Lý luận chính trị: Cao cấp chính trị

Chức vụ hiện nay:

Đảng: Bí thư Đảng ủy Công ty CP Pin Ắc Quy Miền Nam

Chính quyền: Thành viên HĐQT/Tổng giám đốc

Cơ quan công tác:

Công ty CP Pin Ắc Quy Miền Nam

Số lượng cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 2.736.510 cổ phiếu

Ông NGÔ ĐÌNH LUYỆN

Thành viên Hội đồng quản trị

Thông tin cá nhân:

Ngày, tháng, năm sinh: 03/04/1964

Quê quán: Hải Dương

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Nơi thường trú: 803C Chung cư Mỹ Thuận, P. 16, Quận 8, TP HCM

Trình độ:

+Chuyên môn: Cử nhân kinh tế

+Lý luận chính trị: Cao cấp

Chức vụ hiện nay:

Đảng: Đảng ủy viên

Chính quyền: Thành viên HĐQT/ Trưởng phòng Kế hoạch

Cơ quan công tác:

Công ty cổ phần Pin Ắc Quy Miền Nam

Số lượng cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 2.686.710 cổ phiếu

Bà PHẠM KIỀU DIỄM

Thành viên Hội đồng quản trị

Thông tin cá nhân:

Ngày, tháng, năm sinh: 03/02/1962

Quê quán: TP.HCM

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Nơi thường trú :30 Nguyễn Ư Dĩ, KPI, P. Thảo Điền, Quận 2, TP.HCM

Trình độ:

+ Chuyên môn: Cử nhân kinh tế

+ Lý luận chính trị: Cao cấp chính trị

Chức vụ hiện nay:

Thành viên HĐQT/Trưởng phòng Nhân sự

Cơ quan công tác:

Công ty cổ phần Pin Ắc Quy Miền Nam

Số lượng cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: **45.696** cổ phiếu

Ông CAO TRỌNG MIÊN

Thành viên Hội đồng quản trị

Thông tin cá nhân:

Ngày, tháng, năm sinh: 18/06/1968

Quê quán: Thừa Thiên Huế

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Nơi thường trú: 300 B Nguyễn Văn Đậu, P. 11, Quận Bình Thạnh, TP HCM.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân hóa

Chức vụ hiện nay:

Thành viên HĐQT/Trưởng phòng R&D.

Cơ quan công tác:

Công ty cổ phần Pin Ắc Quy Miền Nam

Số lượng cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: **1.644** cổ phiếu

Giới thiệu Ban điều hành

Ông TRẦN THANH VĂN

Tổng giám đốc

(Xem thông tin về Hội đồng quản trị)

Ông TRƯƠNG VÕ VĂN CHÍNH

Phó Tổng giám đốc

Bà NGUYỄN BẢO HẠNH

Phó Tổng giám đốc

Ông NGUYỄN DUY HƯNG

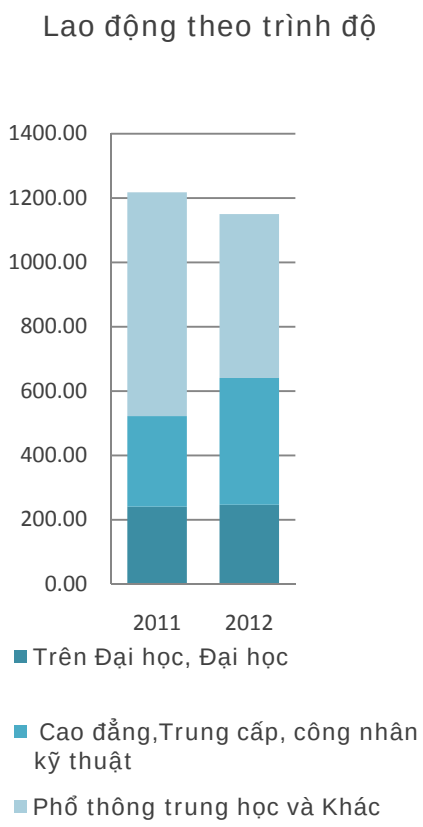
Q. TP Kế toán

Những thay đổi trong Ban điều hành

Ông TRƯƠNG VÕ VĂN CHÍNH- phó Tổng giám đốc nghỉ hưu từ ngày 31/12/2012

Số lượng cán bộ, nhân viên

TIÊU CHÍ	31/12/2011	31/12/2012
A. Phân theo trình độ lao động:	1.218	1.150
- Trên Đại học, Đại học	241	247
- Cao đẳng,Trung cấp, công nhân kỹ thuật	281	394
- Phổ thông trung học + khác	696	509
B. Phân theo hợp đồng lao động	1.218	1150
- Hợp đồng không xác định thời hạn	830	774
- Hợp đồng từ 1 – 3 năm	318	294
- Hợp đồng dưới 1 năm	70	84
C. Thu nhập bình quân (đồng/tháng)	**6.881.000**	**7.431.000**

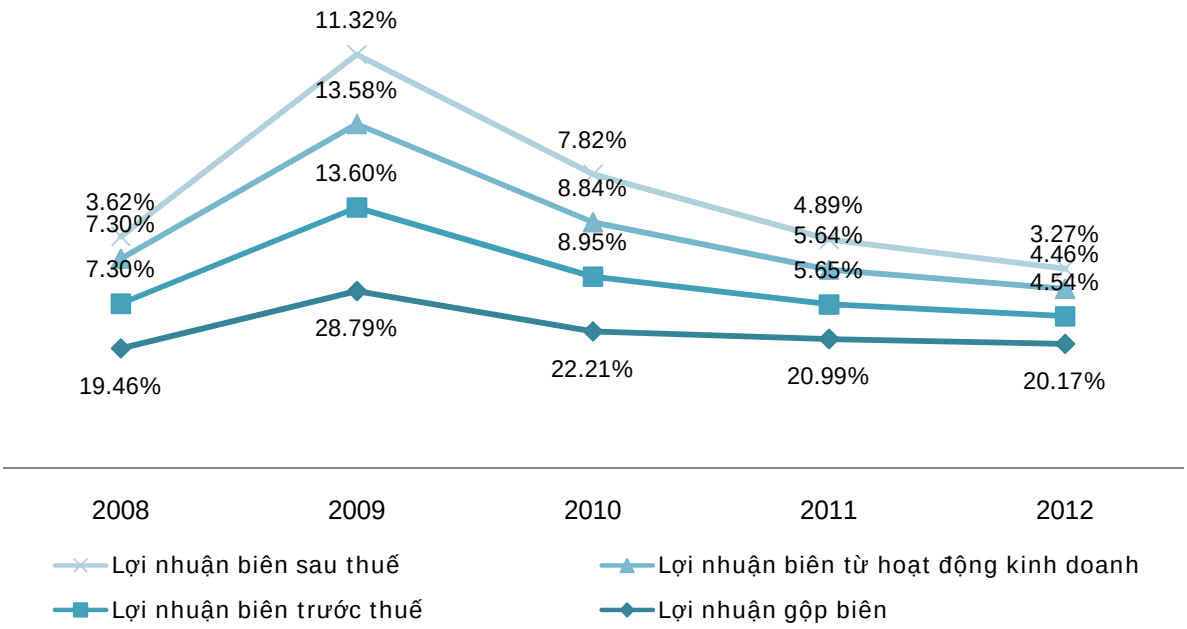


Thông tin về các đơn vị trực thuộc

I. CÁC XÍ NGHIỆP:		
Xí nghiệp Pin Con Ó	**Xí nghiệp Ắc quy Đồng Nai 2**	
752 Hậu Giang, Phường 12, Quận 6, TP. HCM	Đường N2, KCN Dệt may Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	
Điện Thoại: (84 8) 38750 556 – 37516 705	Điện thoại: (84 61) 3569 968	
Xí nghiệp Ắc quy Đồng Nai	**Xí nghiệp Ắc quy Sài Gòn**	
Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, tỉnh Đồng Nai	Lô 64, đường số 2, KCN Tân Tạo, Q. Bình Tân, TP. HCM	
Điện thoại: (84 61) 3 836 116	Điện thoại: (84 8) 3754 0244	
II. CÁC CHI NHÁNH		
Chi nhánh Hà Nội	**Chi nhánh Đà Nẵng**	
18 ngõ 44 Đức Giang, P. Thượng Thanh, Q. Long Biên, Hà Nội	348 Điện Biên Phủ, Quận Thanh Khê, Đà Nẵng	
Điện thoại: (84 4) 36 557 634	Điện thoại: (84 511) 3 649 957	
III. TRUNG TÂM BẢO HÀNH		
Trung tâm Bảo hành Khu vực TP HCM	**Trung tâm Bảo hành Khu vực Miền Bắc**	**Trung tâm Bảo hành Khu vực Miền Trung**
Lô 64, đường số 2, KCN Tân Tạo, Q. Bình Tân, TP. HCM	18 ngõ 44 Đức Giang, P. Thượng Thanh, Q. Long Biên, Hà Nội	348 Điện Biên Phủ, Quận Thanh Khê, Đà Nẵng
Điện thoại: (84 8) 37 541.151	Điện thoại: (84 4) 36 557 634	Điện thoại: (0511) 3 649 957
IV. CỬA HÀNG GIỚI THIỆU SẢN PHẨM		
321 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. HCM	21 - 23 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. HCM	752 Hậu Giang, Quận 6, TP. HCM
Điện thoại: (84 8) 8368 529	Điện thoại: (84 8) 3829 3932	Điện thoại: (84 8) 3751 6145
Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, tỉnh Đồng Nai	1A Đặng Thái Thân, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	
Điện thoại: (84 61) 3 836 116	Điện thoại: (84 4) 3 826 1030	

Tình hình tài chính

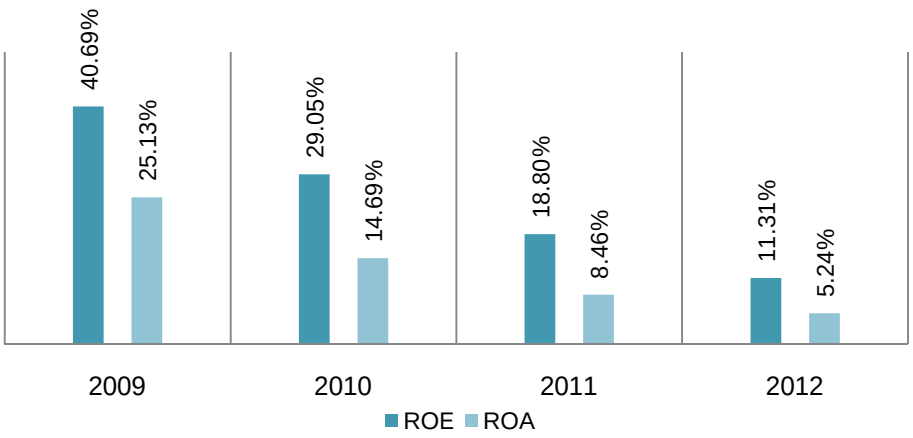
Các biên lợi nhuận



Xu hướng sụt giảm sản lượng tiêu thụ đã kéo theo các biên lợi nhuận trong năm cũng giảm nhẹ. Kể từ 2009, tình hình diễn biến chung của các biên lợi nhuận là suy giảm do tổng cầu chưa có sự đột phá trong khi các loại chi phí biến động theo chiều hướng bất lợi cho doanh nghiệp sản xuất như PINACO. Cụ thể các thay đổi trong năm như sau:

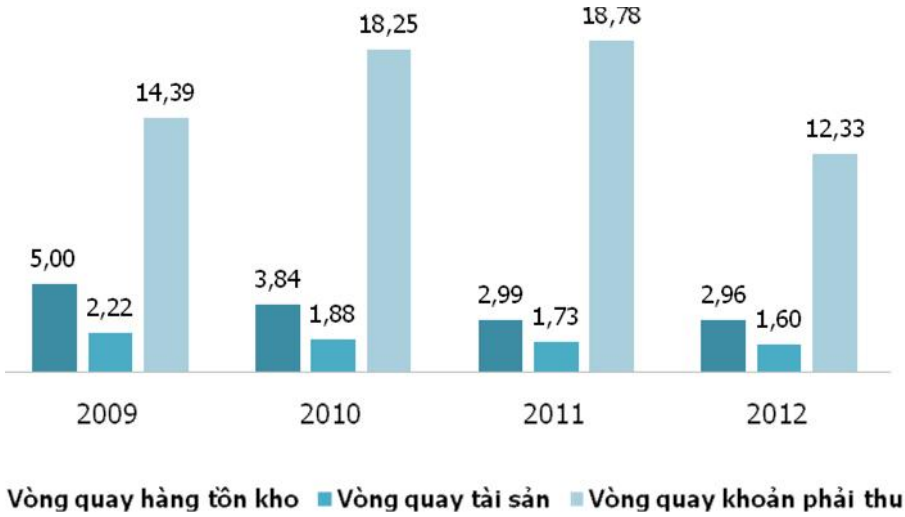
- Tỷ lệ giá vốn hàng bán/doanh thu giảm nhẹ từ 79,01% (2011) xuống 76,18% (2012) do giá chì, kẽm và các vật tư khác trong năm bình ổn, giá bán trong năm không thay đổi. Tuy vậy giá cả một số mặt hàng thiết yếu như điện, nước, xăng, dầu,... vẫn có xu hướng leo thang cũng đã gây ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- Thu nhập tài chính đạt 10,08 tỷ đồng, giảm 50% so với cùng kỳ năm ngoái, chủ yếu đến từ lãi tiền gửi và lãi chênh lệch tỷ giá. Năm 2012 khi lãi suất huy động liên tục giảm và tỷ giá dao động ít (không quá 1%), thu nhập tài chính của PINACO đã giảm đáng kể.
- Chi phí tài chính giảm 66%, từ 80 tỷ đồng xuống còn 27 tỷ đồng. Năm 2012 tỷ giá luôn được giữ ở mức ổn định, dẫn đến lỗ từ chênh lệch tỷ giá giảm đáng kể. Ngoài ra, trong năm 2012 Công ty cũng đã trả hết nợ dài hạn vay đầu tư dự án Xí nghiệp Ắc quy Đồng Nai 2, dẫn đến chi phí lãi vay từ 27,6 tỷ đồng giảm còn 22,1 tỷ đồng vào năm nay.
- Chi phí bán hàng trong năm 2012 tăng 23%. Một phần do tăng chiết khấu thay vì giảm giá bán, một phần đối phó với sức cầu giảm sút và sự cạnh tranh của các hãng trong nước, Công ty đã đẩy chi phí bán hàng lên cao. Để sản phẩm của PINACO trở nên phổ biến hơn, Công ty đã chi một khoản khá lớn vào công tác quảng cáo, marketing.

ROA và ROE



Trong những năm gần đây, các chỉ tiêu ROA và ROE của PINACO có xu hướng sụt giảm. Nguyên nhân là từ năm 2011 Công ty đã tập trung thực hiện các dự án lớn, nguồn vốn được huy động nhiều, giá trị tài sản tăng đột biến. Nhà máy mới Nhơn Trạch- Đồng Nai 2 tuy đã đi vào hoạt động nhưng chưa đóng góp tốt nhất vào hiệu quả kinh doanh, nhất là khi Công ty vẫn đang dành nguồn lực để quy hoạch sắp xếp lại cụm 3 Xí nghiệp Ắcquy Đồng Nai 1, Xí nghiệp Ắcquy Đồng Nai 2 và Xí nghiệp Ắcquy Sài Gòn. Vì vậy mặc dù chỉ tiêu này giảm so với năm trước nhưng nó lại phản ánh một xu thế phát triển và mang lại hiệu quả trong tương lai.

Năng lực hoạt động



Vòng quay hàng tồn kho năm 2012 giảm nhẹ so với năm 2011 (2,96 vòng so với 2,99 vòng). Vòng quay các khoản phải thu cũng giảm mạnh còn 12,33 vòng do chính sách nới lỏng bán hàng vào những tháng cuối năm để tăng mức tiêu thụ. Việc sút giảm doanh thu cũng đã làm vòng quay tài sản của PINACO trong năm 2012 giảm còn 1,6 vòng.

Khả năng thanh toán

KHẢ NĂNG THANH TOÁN	2009	2010	2011	2012
Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,20	1,38	1,21	1,18
Hệ số thanh toán nhanh	1,44	0,51	0,34	0,50
Khả năng trả lãi vay	36,99	22,06	5,06	4,85

Hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 1,21 lần (2011) xuống 1,18 lần (2012) do việc dự trữ hàng tồn kho ít từ tháng 7/2011 đã làm giảm đáng kể tài sản ngắn hạn của Công ty. Trong khi đó, hệ số thanh toán nhanh tăng lên, từ 0,34 lần năm 2011 lên 0,50 lần năm 2012 do Công ty tăng khoản tiền gửi ngân hàng và từ đó tiền lãi ngân hàng phải thu cũng tăng đáng kể. Các hệ số thanh toán hiện nay đều nằm trong khả năng thanh khoản tốt, một mặt thể hiện tính chủ động trong tận dụng nguồn vốn để tài trợ các Dự án đầu tư tiềm năng trong tương lai mà không dùng vốn vay với lãi suất cao như hiện nay, mặt khác vẫn bảo đảm cán cân nợ cân đối, linh hoạt trong vay trả với kỳ hạn ngắn. Việc PINACO có mức tái đầu tư cao với nguồn lợi nhuận chưa phân phối đã giúp Công ty chủ động về nguồn vốn để tài trợ các dự án, đồng thời cân bằng được cán cân nợ.

Quản lý dòng tiền

PINACO hoàn toàn chủ động cho sản xuất kinh doanh. Tính thanh khoản của dòng tiền đều đặn chính là tiền đề tạo nên những cơ hội thuận lợi trong thời kỳ khủng hoảng tài chính. Sản phẩm của PINACO bán ra và thu tiền đầy đủ, đảm bảo tái sản xuất, tích lũy cho sự tăng trưởng và chi trả cổ tức cho cổ đông.

Thông tin cổ đông

Các dữ liệu thống kê về cổ đông tính đến ngày 31/12/2012

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	VỐN CỔ PHẦN	TỶ LỆ SỞ HỮU
I/ CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI	91.047.460.000	33,74%
1. Pháp nhân	88.554.720.000	32,81%
2. Thể nhân	2.492.740.000	0,92%
II/ CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC	175.202.850.000	66,26%
1. Pháp nhân Nhà nước	138.540.720.000	51,33%
2. Pháp nhân khác	4.280.190.000	1,59%
3. Thể nhân	36.010.060.000	13,34%
III/ CỔ PHIẾU QUỸ	3.628.120.000	1,34%
TỔNG CỘNG	**269.878.430.000**	**100%**

Những thay đổi về vốn cổ đông

CỔ ĐÔNG	VỐN CỔ ĐÔNG ĐẦU NĂM	TĂNG TRONG NĂM	GIẢM TRONG NĂM	VỐN CỔ ĐÔNG CUỐI NĂM
Nhà nước	138.540.720.000			138.540.720.000
Cổ đông khác	127.696.590.000		13.000.000	127.709.590.000
Cổ phiếu quỹ	3.615.120.000	13.000.000		3.628.120.000
Tổng cộng	**225.501.220.000**	**13.000.000**	**13.000.000**	**269.878.430.000**

Thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu: Không có

Danh sách 10 cổ đông có tỷ lệ sở hữu lớn nhất

TÊN CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ %
TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM	**13.854.072**	**52,03**
FRANKLIN TEMPLETON INVESTMENT FUNDS	2.662.920	9,87%
GREYSTANES LIMITED	288.336	1,07%
JF VIETNAM OPPORTUNITIES FUND	850.000	3,15%
KITMC WORLDWIDE VIETNAM RSP BALANCE FUND	2.316.344	8.58%
SARUS INDOCHINA SELECT	612.620	2,27%
TEMPLETON GLOBAL INVESTMNET TRUST	278.304	1,03%
TONG YANG VIETNAM PRIVATISATION TRUST FUND 1	421.700	1,56%
VIETNAM EMERGING EQUITY FUND LIMITED	46.200	2,02%
VIETNAM HOLDING LIMITED	254.820	0,94%

III. BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Phương hướng công tác các xí nghiệp







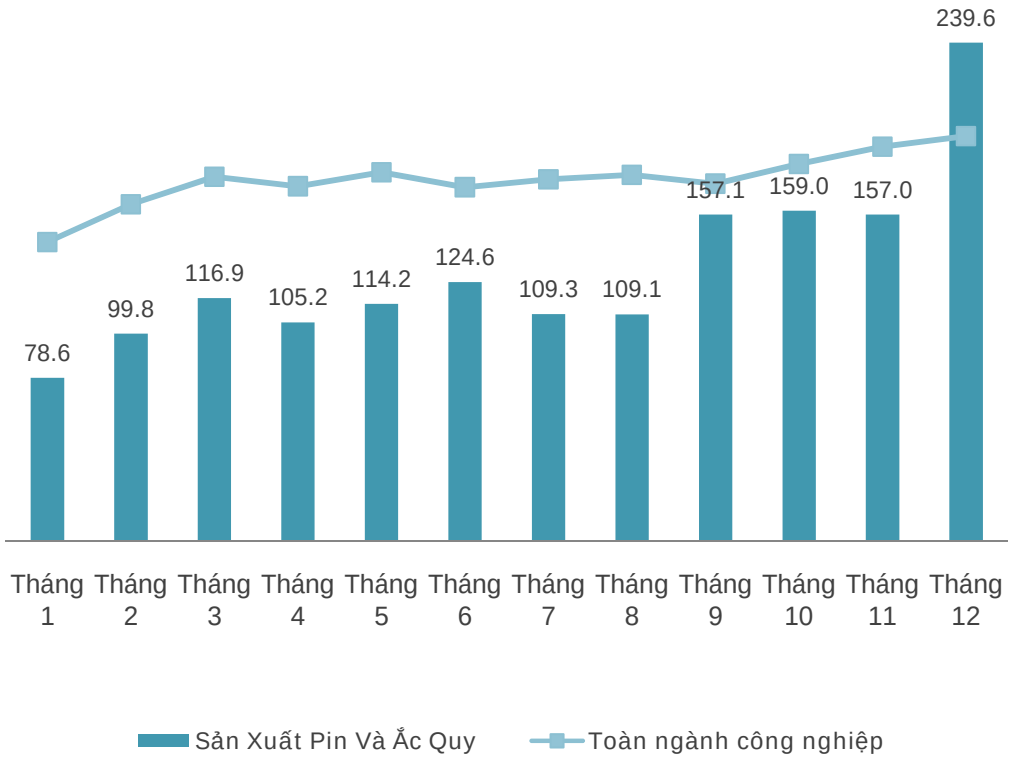
Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình kinh tế vĩ mô

Năm 2012 tiếp tục là năm đầy khó khăn của nền kinh tế thế giới. Đợt suy thoái kép làm tăng trưởng kinh tế diễn ra chậm hơn so với năm 2011. Khủng hoảng nợ công ở Châu Âu vẫn đang diễn tiến rất phức tạp, nền kinh tế Mỹ, Nhật Bản phục hồi chậm. Các nước châu Phi, châu Mỹ La Tinh và đặc biệt là châu Á vẫn chưa thoát khỏi tác động của khủng hoảng toàn cầu, hầu hết các nền kinh tế này đều chững lại.

Tại Việt Nam, các chính sách tài khóa năm 2012, cụ thể là Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 3/1/2012 và Nghị quyết 13/NQ-CP ngày 10/5/2012 về kiềm chế lạm phát đã góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội, từng bước thực hiện tái cấu trúc nền kinh tế đã có tác dụng nhất định, nhưng do ảnh hưởng kinh tế toàn cầu, kinh tế Việt Nam tăng trưởng chậm lại. Năm 2012, GDP tăng 5,01% là mức thấp nhất trong vòng 13 năm qua.

Chỉ số sản xuất công nghiệp



Với tình hình như thế, trong năm 2012 PINACO đã gặp những khó khăn và thuận lợi như sau:

Khó khăn

- Cầu tiêu thụ Pin và Ắc quy tại Việt Nam sụt giảm do tổng cầu của toàn bộ nền kinh tế giảm. Trong khi đó, thị trường bộc lộ sự cạnh tranh gay gắt, khe hở trong khai báo hàng nhập khẩu tạo điều kiền đề cho Ắc quy ngoại nhập tràn vào tạo chỗ đứng ở thị trường Việt Nam, trong nước cũng xuất hiện thêm doanh nghiệp sản xuất Ắc quy mới tham gia thị trường khiến cho

nguồn cung càng thêm dư thừa. Để đối phó với sức cầu giảm sút, hầu hết các hãng Pin và Ắc quy đã đẩy hàng ra thị trường bằng mọi giá, bên cạnh đó là chủ trương dùng chiết khấu khuyến mãi cao để cân đối khi giá nguyên vật liệu giảm, đã tạo nên làn sóng khuyến mãi triền miên. Kết quả là chi phí bán hàng buộc phải tăng cao, đây cũng là tiền đề khó cho thời gian sắp tới khi giá nguyên vật liệu bắt đầu tăng trở lại.

- Khuynh hướng tiêu dùng đã chuyển sang sử dụng các loại Ắc quy miễn bảo dưỡng, có mẫu mã chủng loại đa dạng dùng cho xe đời mới. Tuy Công ty có các sản phẩm mới này nhưng mới đưa ra thị trường và chưa đủ chủng loại đã làm giảm cơ hội bán hàng.

Thuận lợi

- Giá chì, kẽm, giá cả vật tư và dịch vụ mua vào, tỷ giá ngoại tệ dần ổn định, lãi suất ngân hàng giảm dần cuối năm giúp Công ty duy trì mức lợi nhuận khá so với mặt bằng chung.
- Hệ thống phân phối tiếp cận đến từng điểm bán, dịch vụ hậu mãi tận tình, chu đáo là thế mạnh giúp PINACO trong cạnh tranh.

Tập thể CB-CNLĐ Công ty luôn đoàn kết, thống nhất ý chí cùng nhau nỗ lực vượt khó

Thành quả chung

- PINACO đạt doanh thu 1.870 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 84,9 tỷ đồng, tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ trên 29%, mặc dù kết quả thấp hơn năm trước, nhưng trong tình hình kinh tế hết sức khó khăn, đạt được kết quả trên thể hiện sự lỗ lực rất lớn.
- Những chính sách thị trường quyết liệt đã giúp Công ty giữ vững thị phần, việc đẩy mạnh doanh thu xuất khẩu, giúp duy trì sản xuất ổn định.
- Những nỗ lực cải tiến quản lý trong quy trình sản xuất, chất lượng sản phẩm tăng độ tin tưởng của khách hàng.
- Năm 2012 thương hiệu PINACO chính thức được nhà nước công nhận biểu trưng “Thương hiệu Quốc Gia” khẳng định đẳng cấp chất lượng sản phẩm của PINACO, cho phép chúng ta được đại diện cho quốc gia để quảng bá hình ảnh thương hiệu của mình ở thị trường trong và ngoài nước.

Công ty đảm bảo việc làm và thu nhập có tăng trưởng, quan tâm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần người lao động, từ đó tạo động lực làm việc, duy trì và ổn định nguồn nhân lực. Thu nhập bình quân tăng 8% so với năm trước.

Doanh thu 1.870 tỷđồng

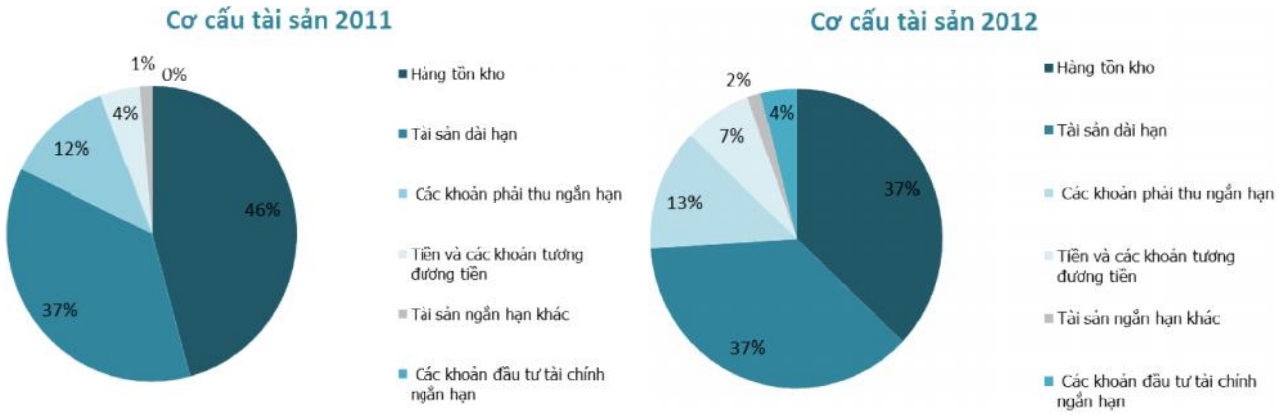
Thương hiệu Quốc Gia

Thu nhập bình quân tăng 8%

Tình hình tài chính

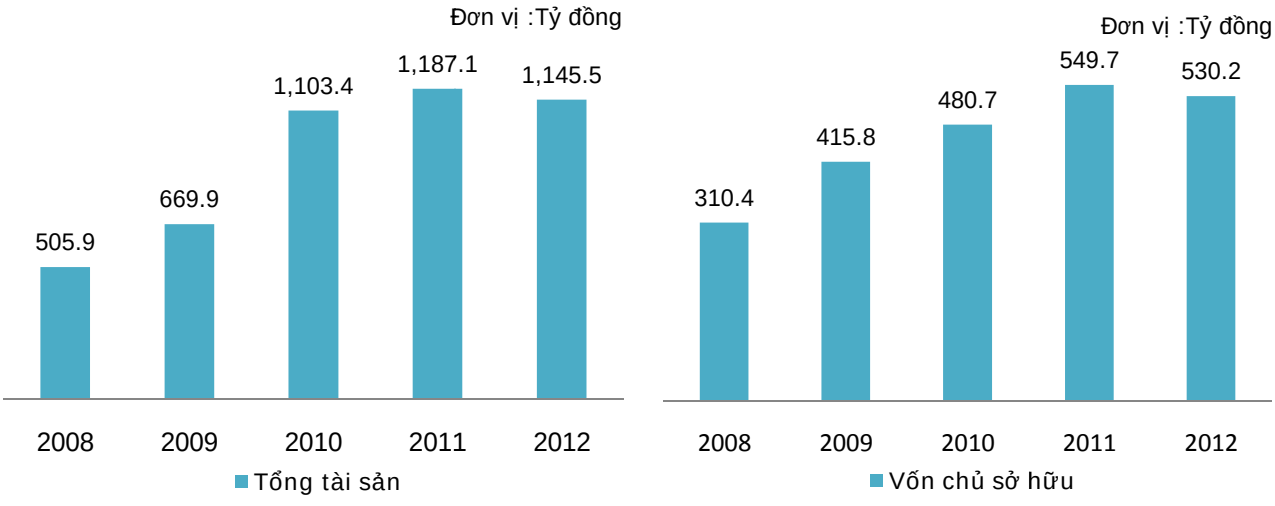
Chất lượng tăng tài sản

Tổng tài sản của PINACO ở thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 đạt 1.146 tỷ đồng, giảm 3% so với năm 2011, trong đó chủ yếu là giảm hàng tồn kho. Kể từ tháng 7/2011, những dự đoán nền kinh tế sẽ phục hồi đã không diễn ra như kì vọng, Công ty nhận thấy tình hình sẽ khó khăn hơn trong năm 2012 nên đã chủ trương đề phòng rủi ro bằng việc giảm hàng tồn kho, đến cuối năm 2012 tổng lượng hàng tồn kho là 420 tỷ đồng, giảm 23% so với cuối năm ngoái.



Cơ cấu tài sản dài hạn và ngắn hạn của Công ty cũng có sự thay đổi nhưng không đáng kể, cụ thể, tỷ lệ tài sản ngắn hạn tăng từ 63,49% lên 63,59%, chủ yếu là do tăng tiền (tăng 63%) và các khoản phải thu trong năm (tăng 16%). Tỷ lệ tài sản dài hạn giảm từ 36,51% xuống 36,41% năm 2012, do giảm các chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Nếu từ năm 2010 PINACO đã không có khoản đầu tư ngắn hạn nào, thì trong năm 2012 ghi nhận 45 tỷ được đầu tư ngắn hạn là khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng, kỳ vọng sẽ mang lại một khoảng lãi suất tiền gửi cho Công ty.

Chất lượng tăng nguồn vốn



Tính đến 31/12/2012, vốn Điều lệ Công ty là 269,878 tỷ đồng. Trong cơ cấu vốn chủ sở hữu có 80 tỷ đồng đến từ Quỹ đầu tư phát triển và 27 tỷ đồng Quỹ dự phòng tài chính do Công ty trích lập, cùng với 105 tỷ đồng lợi nhuận được giữ lại.

Về cơ cấu tổng nguồn vốn, tỷ trọng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu gần như ngang bằng nhau. Công ty không phải phụ thuộc quá nhiều và nguồn vốn bên ngoài để đầu tư cho hoạt động sản xuất. Trong cơ cấu nợ phải trả, nợ ngắn hạn chiếm 99,92% trong khi nợ dài hạn chỉ chiếm 0,08%. Cụ thể, các khoản vay ngắn hạn đều bằng tín chấp chủ yếu bằng USD từ các ngân hàng uy tín như Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam, Ngân hàng HSBC, Ngân hàng ANZ, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Indovina, Ngân hàng Chinatrust Việt Nam với mức lãi suất thấp hơn vay bằng VND, cùng với việc tỷ giá trong năm luôn ổn định ở 20.828 đồng với biên độ dao động không quá 1%, đảm bảo khả năng chi trả tốt. Ngoài ra, khoản phải trả người bán của PINACO tăng tỷ trọng khá cao 29% so với 20% năm 2011 thể hiện uy tín của Công ty trong quan hệ với các nhà cung ứng.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công tác tiêu thụ thị trường

- Năm 2012 thị trường nội địa tiêu thụ rất khó khăn. Nhu cầu ắc quy truyền thống bị thu hẹp, cạnh tranh khắc nghiệt với nhiều đối thủ mạnh. Nhu cầu ắc quy xe gắn máy chuyển sang ắc quy kín trong khi sản phẩm của công ty thiếu chủng loại nên tiêu thụ chưa mạnh. Ngành Pin, do có sản lượng tiêu thụ ổn định.

- Để thực hiện được doanh thu bán hàng 1.870 tỷ trong bối cảnh sức mua yếu, cạnh tranh khốc liệt là kết quả nỗ lực rất lớn của toàn hệ thống từ sản xuất đến tiêu thụ. Công ty đã tận dụng ưu thế hệ thống phân phối, có các chương trình khuyến mãi phù hợp, để triển khai các chương trình thúc đẩy tiêu thụ riêng cho các khu vực. Các chương trình câu lạc bộ khách hàng thân thiết đã giúp chúng ta tiếp cận, gìn giữ thị phần tại các điểm bán đến tận huyện, xã.

- Hoạt động xúc tiến thương mại được đẩy mạnh, khai thác thêm thị trường và đơn hàng xuất khẩu giúp doanh số xuất khẩu tăng 14% so năm trước, bù đắp phần nào việc suy giảm tiêu thụ trong nước.

- Hoạt động kiểm soát bán hàng đã góp phần chấn chỉnh kỷ cương kỷ luật, tiết giảm chi phí, kiểm soát tính trung thực của các chương trình thúc đẩy bán hàng. Việc theo dõi số liệu tồn kho của NPP đã dần đi vào ổn định, đó là cơ sở để xem xét chỉ tiêu, thực hiện chương trình khuyến mãi hiệu quả.

- Về bảo hành: Thường xuyên đào tạo tay nghề bảo hành cho QLKV, Giám sát, nhân viên bán hàng để thực hiện chủ trương bảo hành chu đáo mang lại sự hài lòng của khách hàng. Phần mềm giúp theo dõi được số liệu bảo hành đến từng điểm bán, NPP/ĐL, từ đó quản lý được chi phí, giải quyết nhanh các sai sót.

- Về hoạt động xây dựng hình ảnh thương hiệu, với nguồn kinh phí có hạn, trong năm đã triển khai mạnh mẽ việc làm bảng hiệu, trưng bày, nhờ đó hình ảnh của PINACO được phổ biến rộng khắp.

Công tác Kỹ thuật – QA

- Triển khai sản xuất kịp thời nhiều chủng loại Ắc quy mới cung cấp cho thị trường.
- Chuẩn hóa lại toàn bộ tiêu chuẩn nguyên vật liệu, thành phẩm và bán thành phẩm. Thường xuyên rà soát định mức vật tư các xí nghiệp.

Công tác cung ứng Vật tư - Vận tải

- Kiểm soát và từng bước giảm lượng tồn kho vật tư, bán thành phẩm ở mức hợp lý nhằm đảm bảo cho sản xuất vừa tiết kiệm chi phí vốn và mặt bằng kho.
- Phát triển thêm một số nhà cung cấp mới với giá cả cạnh tranh cho một số loại vật tư như: chì, acid tinh khiết, nhãn pin các loại, bao bì offset... hạn chế lượng phụ tùng thay thế nhập khẩu, chuyển dần sang mua hoặc gia công trong nội địa.

Công tác Đầu tư và Nghiên cứu Phát triển

- Thành công trong việc nâng chất lượng Ắc quy miễn bảo dưỡng CMF, bình kín gắn máy VRLA được thị trường đánh giá tốt. Ắc quy kín gắn máy đã đạt tiêu chuẩn và ký hợp đồng cung cấp cho Honda Việt Nam.
- Công tác Tài chính- Kế toán.
- Phân tích, đánh giá tình hình tài chính hàng tháng, dự báo lợi nhuận giúp ban lãnh đạo điều hành, ra quyết định sản xuất kinh doanh hiệu quả hơn.
- Tìm kiếm được các nguồn vốn lãi suất thấp nhất, đáp ứng đủ vốn cho sản xuất kinh doanh và góp phần thực hiện kế hoạch lợi nhuận.

Công tác An toàn - Bảo hộ lao động, PCCN

- Kiểm tra và đôn đốc các xí nghiệp hưởng ứng tích cực Tuần lễ Quốc gia An toàn - Vệ sinh lao động.
- Triển khai cho các đơn vị áp dụng thông tư 13/2012/BLĐTBXH-BYT về việc “Hướng dẫn thực hiện chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại”.
- Thường xuyên kiểm tra công tác An toàn – Vệ sinh lao động định kỳ hàng tháng tại các đơn vị. Thực hiện các báo cáo về An toàn, Vệ sinh lao động, Môi trường cho các cơ quan ban ngành liên quan.

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Nhận định tình hình

Năm 2013 nền kinh tế được dự báo còn nhiều khó khăn, thách thức. Trong nước, kinh tế vĩ mô chưa thực sự ổn định, áp lực lạm phát vẫn còn khá lớn, các vấn đề về nợ xấu, tồn kho, bất động sản, doanh nghiệp phá sản chưa thể giải quyết trong một sớm một chiều. Kinh tế thế giới cũng chưa có gì sáng sủa. Trong bối cảnh đó, Công ty xác định có một số khó khăn, thuận lợi sau:

Thuận lợi

- Chất lượng sản phẩm ngày càng ổn định, sản phẩm Ắc quy CMF và VRLA bước đầu đã được thị trường chấp nhận nhưng cũng còn cần thời gian để khẳng định chất lượng, xâm nhập thị trường.
- Ngành pin được đầu tư dây chuyền R6 600 viên/phút, từ đó giúp tăng năng suất và chất lượng sản phẩm ổn định, tăng khả năng cạnh tranh và hạ giá thành sản phẩm.

Khó khăn

- Giá chì, kẽm có xu hướng tăng cao hơn năm 2012, chi phí khấu hao nhà máy Đồng Nai 2 cao do đầu tư mới nhưng chưa phát huy được hết công suất, làm tăng giá thành, ảnh hưởng đến hiệu quả và khả năng cạnh tranh của Công ty.
- Thị trường tiêu thụ vẫn còn khó khăn do sức mua trong nước chưa phục hồi. Cả thị trường trong và ngoài nước đều phải cạnh tranh gay gắt với các đối thủ ngày càng nhiều với ưu thế đa dạng chủng loại, giá cạnh tranh khiến chúng ta phải hết sức quyết liệt mới giữ được thị phần và có cơ hội tăng doanh thu.

Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất - kinh doanh

1 - Giá trị sản xuất công nghiệp	**735 tỷ đồng**
2 - Tổng doanh thu	**1.870 tỷ đồng**
3 - Lợi nhuận	**60 tỷ đồng**

Các biện pháp chỉ đạo chung

Về tiêu thụ

- Giữ vững thị trường nội địa bằng các biện pháp cụ thể cho từng dòng sản phẩm. Tập trung kiểm soát chống lấn vùng. Tăng cường hoạt động kiểm soát bán hàng, tạo hình ảnh tốt cho hệ thống phân phối.
- Thực hiện bảo hành chu đáo, tạo sự hài lòng khách hàng. Tăng cường huấn luyện để nhân viên bán hàng có thêm kỹ năng đáp ứng yêu cầu khách hàng.
- Tích cực tham gia xúc tiến thương mại, chủ động tiếp cận các thị trường các nước đang phát triển.
- Xây dựng hình ảnh thương hiệu xứng tầm “Thương hiệu quốc gia”, định vị đẳng cấp chất lượng cao cho Ắc quy CMF, VRLA. Duy trì hình ảnh tại từng cửa hiệu. Hỗ trợ xây dựng hình ảnh thương hiệu tốt cho thị trường nước ngoài để thoát cạnh tranh về giá.

Về sản xuất, kỹ thuật

- Kiểm soát và thực hiện nghiêm ngặt quy trình công nghệ, quy trình vận hành để ổn định chất lượng. Tăng năng suất lao động phải gắn liền với việc đảm bảo chất lượng sản phẩm.
- Phấn đấu giảm giá thành 2% thông qua các biện pháp: cải tiến công nghệ, thiết bị, hợp lý hóa sản xuất, sử dụng lao động hợp lý, hạn chế tồn kho và tồn vật tư, bán thành phẩm, nguyên vật liệu

trên dây chuyền sản xuất, sửa chữa bảo dưỡng máy móc thiết bị kịp thời để giảm thiểu giờ ngừng máy, tăng giờ công nhằm mục đích tăng năng suất lao động.

- Duy trì kiểm tra, đánh giá sản phẩm, phối hợp các xí nghiệp phân tích lỗi ắc quy bảo hành để khắc phục lỗi và cải tiến kịp thời, đảm bảo chất lượng sản phẩm.
- Duy trì và đảm bảo hoạt động quản lý hệ thống chất lượng ISO 9001, ISO 14001, ISO/TS 16949, ISO/IEC 17025, 5S một cách thực chất và hiệu quả.

Về cung ứng vật tư

- Thường xuyên rà soát, đánh giá và phân loại về năng lực, chất lượng, giá cả của tất cả các nhà cung cấp. Hỗ trợ các nhà cung cấp cải tiến nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của Công ty.
- Tìm kiếm thêm nhà cung cấp có chất lượng tốt, ổn định, giá cả cạnh tranh, mỗi chủng loại vật tư quan trọng có ít nhất 2 nhà cung cấp và thay thế dần vật tư, phụ tùng nhập bằng nguồn trong nước với chất lượng tương đương và giá cạnh tranh.
- Rà soát hạn mức tồn kho vật tư, phụ tùng và kiểm soát ở mức hợp lý.
- Bổ sung biểu tượng Thương hiệu quốc gia trên bao bì tất cả các loại sản phẩm của Công ty.

Về đầu tư, nghiên cứu sản phẩm mới

- Đầu tư tăng công suất nhà máy Ắc Quy Đồng Nai 2 lên 600.000kwh/năm và đáp ứng nhu cầu ắc quy kín gắn máy, ắc quy miễn bảo dưỡng (CMF).
- Phát triển đầy đủ các dòng VRLA theo nhu cầu thị trường và các OEM.
- Đẩy nhanh tiến độ nghiên cứu và đa dạng hóa các dòng sản phẩm mới.

IV. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ❖ Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty
- ❖ Đánh giá hoạt động của Ban Tổng giám đốc
- ❖ Định hướng chiến lược 2013









Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

Chỉ tiêu kinh tế

Trước những biến động khó lường của nền kinh tế, HĐQT đã bám sát sự diễn biến của thị trường, kịp thời tổ chức chỉ đạo triển khai thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ kinh doanh năm 2012 Đại hội đồng cổ đông giao. Tuy vậy, do trong năm sức cầu giảm mạnh và những tác động chi phí nên PINACO đã gặp khó khăn trong việc thực hiện kế hoạch, cụ thể tổng doanh thu đạt 88% kế hoạch, mức lợi nhuận trước thuế đạt 70% kế hoạch mà ĐHCĐ thông qua. Với kết quả này PINACO vẫn đảm bảo mức chia cổ tức năm 2012 ở mức 20%, đạt kỳ vọng của cổ đông.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh trong năm 2012

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	THỰC HIỆN NĂM 2012	SO SÁNH (%)	
			KẾ HOẠCH	CÙNG KỲ 2011
Doanh thu	Tỷ đồng	1.870	91%	94%
Lợi nhuận	Tỷ đồng	84,9	74%	76%
Cổ tức	**%**	20%	100%	91%

Mặc dù vậy PINACO đã hoàn thành mục tiêu ổn định thị trường, ổn định đời sống cho người lao động và chia cổ tức mức hợp lý. Về chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận tuy chưa hoàn thành kế hoạch nhưng HĐQT cho rằng đây cũng là kết quả có thể chấp nhận được.

Đánh giá hoạt động tiêu thụ nội địa

- Đối với sản phẩm ắc quy: Doanh thu nội địa của PINACO tăng trưởng nhanh qua các năm, tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng có phần chậm lại trong năm 2012, nguyên nhân chính là do kinh tế suy thoái, tổng cầu tiêu dùng giảm sút và xu hướng tiêu dùng có thay đổi. Hoạt động tiêu thụ đã có những lúng túng, bị động trước sự thay đổi từ thị trường và sự biến động của kinh tế, đồng thời sự tác động áp lực từ chỉ tiêu được giao cao hơn khả năng hấp thụ của thị trường.

- Đối với sản phẩm pin: Thị trường tiêu thụ nội địa đối với sản phẩm này khá ổn định qua các năm. Pin Con Ó hiện được nhiều Công ty lắp ráp điện tử tại Việt Nam sử dụng kèm theo sản phẩm của họ như: Belco, Daewoo-Hanel, Chau-Electronic, Viettronics Tân Bình (VTB), Tiến Đạt, Maseco,... HĐQT đặt ra mục tiêu duy trì sản xuất pin bền vững, cố gắng giữ năng lực sản xuất pin đạt 250 triệu viên/năm.

Hoạt động xuất khẩu

HĐQT xem thị trường xuất khẩu là thị trường cho sự tăng trưởng doanh thu của Công ty. Mặt khác xuất khẩu cũng là thước đo về uy tín, chất lượng để đối chiếu lại với thị trường trong nước. Tuy nhiên tiêu chí về xuất khẩu phấn đấu cao nhất là 18% tổng doanh thu toàn Công ty để tránh việc phân tán nguồn lực cho thị trường nội địa.

Tập trung chỉ đạo, khai thác, phát triển thị trường Campuchia, Trung Đông, mở rộng sang các thị trường tiềm năng như: Nam Mỹ, Myanmar

Công tác đầu tư

Về cơ bản đã hoàn thành dự án đầu tư nhà máy ắc quy Nhơn trạch và tổ chức bộ máy vận hành để đưa nhà máy hoạt động ổn định. Sản phẩm làm ra có tính cạnh tranh cao.

Công tác phát triển sản phẩm mới

Năm 2012, Công ty đã nghiên cứu và phát triển nhiều dòng sản phẩm mới, đảm bảo về chất lượng cũng như mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng số chủng loại mặt hàng mới đưa ra thị trường trên 50 chủng loại.

Các sản phẩm mới tung ra thị trường phù hợp xu thế của người tiêu dùng nên góp phần tăng được doanh số cho Công ty.

Về tổ chức - nhân sự

Từng bước tái cấu trúc về cơ cấu tổ chức, xây dựng chức năng nhiệm vụ, đánh giá hiệu quả công việc và chính sách lương thưởng dần dần được đổi mới…

Đánh giá hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Năm 2012 ban Tổng giám đốc đã có những nỗ lực đáng kể trong công tác điều hành để thực hiện nhiệm vụ của Đại hội đồng và Hội đồng quản trị giao. Dưới sự điều hành của Ban Tổng giám đốc, kết quả doanh thu 1.870,4 tỷ đồng, lợi nhuận 84,9 tỷ đồng, tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ trên 29%, trong bối cảnh tình hình kinh tế Việt Nam còn chịu nhiều ảnh hưởng từ khủng hoảng kinh tế, kết quả này có thể xem là sự nổ lực của tập thể lãnh đạo và cán bộ công nhân viên PINACO trong năm qua.

Những chính sách thị trường quyết liệt thực hiện đã góp phần giúp Công ty giữ được thị phần và duy trì sản xuất ổn định, đồng thời có những đóng góp giá trị và mang đến những thay đổi tích cực cho thương hiệu PINACO.

Năm 2012, tình hình kinh tế chung gặp nhiều khó khăn, nhu cầu thị trường có phần suy giảm. Mặc dù chưa hoàn thành kế hoạch giao, nhưng Tổng Giám đốc đã có những nỗ lực trong điều hành để đạt kết quả nhất định. Tuy nhiên Ban điều hành cần tiếp tục củng cố công tác quản lý, nhất là công tác đầu tư theo đúng quy trình quy định của pháp luật, theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2013

Nhận định tình hình

Năm 2013 được nhận định là vẫn còn rất khó khăn, thế giới vẫn chưa thực sự ổn định, kinh tế Việt Nam vẫn chưa có được sự tăng trưởng vững chắc, lưu thông phân phối gặp nhiều trở ngại về vốn và rủi ro lãi suất, nhu cầu tiêu dùng giảm sút tác động khó khăn đến tiêu thụ sản phẩm Pin và Ắc Quy.

Mục tiêu kinh doanh

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2013	So sánh (%)	
			Kế hoạch 2012	Thực hiện 2012
Doanh thu	Tỷ đồng	1.870	91%	100%
Lợi nhuận	"	60	52%	75%
Cổ tức	**%**	**>=15%**		

Kế hoạch hoạt động

Năm 2013, HĐQT sẽ tập trung chỉ đạo các mặt hoạt động chủ yếu sau đây:

- Định hướng chiến lược cho công tác thị trường.
- Quy hoạch sản xuất đối với ngành ắc quy trên phương diện tổng thể 3 nhà máy.
- Xây dựng hệ thống quy chế nội bộ công ty.
- Xây dựng mô hình tổ chức phù hợp, bổ sung phòng Marketting, kiểm soát nội bộ.
- Bổ nhiệm cán bộ chủ chốt, cán bộ quản lý đáp ứng được những yêu cầu thực tiễn.
- Thành lập các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
- Thoái vốn, thoái ngành nghề trong lĩnh vực đầu tư bất động sản.
- Chỉ đạo công tác đầu tư định hướng cho tương lai.
- Chỉ đạo công tác huy động vốn đảm bảo cung ứng vốn kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, giám sát chặt chẽ khả năng thanh toán của công ty.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

- ❖ Hội đồng quản trị
- ❖ Ban Kiểm soát
- ❖ Số lượng cổ phần sở hữu và những thay đổi cổ phần của thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc
- ❖ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Hội đồng quản trị

Hiện tại HĐQT Công ty có 05 thành viên, gồm Chủ Tich và 04 Thành viên

TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỔ NHIỆM	SỐ CỔ PHIẾU NẮM GIỮ
Ông: Trịnh Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT từ ngày 7 tháng 5 năm 2011, đồng thời được bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT thay thế Bà Nguyễn Thị Kim Thảo có nguyện vọng nghỉ hưu.	0
Ông: Trần Thanh Văn	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT từ ngày 23 tháng 9 năm 2004	73.800
Ông: Ngô Đình Luyện	Thành viên HĐQT	Trưởng BKS từ ngày 23/4/2004. Bổ nhiệm Thành viên HĐQT từ ngày 7 tháng 5 năm 2011	24.000
Ông: Cao Trọng Miên	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT từ ngày 7 tháng 5 năm 2011	1.644
Bà: Phạm Kiều Diễm	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT từ ngày 17 tháng 3 năm 2007	45.696

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

Quyền lợi liên quan của thành viên HĐQT

Không có giao dịch nào của Công ty liên quan đến quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc.

Hoạt động của HĐQT

Trong năm 2012, HĐQT đã tổ chức 06 cuộc họp trực tiếp và 16 cuộc họp thông qua bằng văn bản và đã ban hành 22 nghị quyết và quyết định tập trung vào các nhóm vấn đề sau đây:

Về thị trường tiêu thụ và hệ thống phân phối:

HĐQT tổ chức chỉ đạo khảo sát thị trường trong nước, đánh giá tình hình triển khai phương thức bán hàng trong hệ thống phân phối của Công ty và đưa ra những định hướng trong việc vận hành hệ thống phân phối.

Về tổ chức nhân sự và quản lý:

HĐQT đã quyết định các vấn đề sau đây:

- Thông qua các nội dung trình và triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012.
- Bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị; thông qua việc bổ nhiệm các chức danh cán bộ quản lý Công ty.
- Triển khai kế hoạch soạn thảo các quy chế về phân cấp phân quyền, tiêu chuẩn cán bộ và quy trình bổ nhiệm cán bộ Công ty.
- Ban hành Quy chế quản trị Công ty.
- Xem xét việc áp dụng phương án trả lương theo kết quả công tác do Tổng giám đốc trình trên cơ sở đề xuất của tư vấn nhân sự.
- Về tồn tại: Do lực lượng cán bộ quản lý của Công ty mỏng và còn thiếu, chưa qua đào tạo. Nên việc bổ sung lực lượng cán bộ quản lý còn chậm, chưa kịp thời .

Về đầu tư:

HĐQT đã quyết định một số vấn đề sau đây

- Phê duyệt kế hoạch đầu tư năm 2012.
- Quyết đinh đầu tư bổ sung 10 dây hóa thành để nâng công suất nhà máy ắc quy Đồng Nai 2 từ 300.00 KWh/năm lên 600.000kwh/năm.
- Quyết định đầu tư bổ sung dây truyền lắp ráp bình ắc quy kín khí (VRLA) xe gắn máy cung cấp cho Honda Việt Nam, thị trường thay thế.
- Chỉ đạo việc quyết toán vốn đầu tư đối với dự án đầu tư nhà máy ắc quy Nhơn Trạch Đồng Nai.

Về tài chính:

HĐQT đã quyết định một số vấn đề sau đây:

- Thông qua việc điều chỉnh chỉ tiêu thực hiện về doanh thu, lợi nhuận năm 2012.
- Thông qua hạn mức tín dụng tại các ngân hàng thương mại để duy trì các khoản vay đầu tư, vốn kinh doanh.
- Quyết định thoái vốn tại Ngân hàng Eximbank để tập trung nguồn lực vào ngành nghề chính.
- Quyết định chi trả cổ tức định kỳ theo thông lệ hàng năm
- Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính theo ủy nhiệm của ĐHCĐ.

Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty bao gồm 2 thành viên theo quy định của Điều lệ Công ty.

TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỔ NHIỆM	SỐ CỔ PHIẾU NẮM GIỮ
Ông: Tạ Duy Linh	Trưởng BKS	Thành viên Ban Kiểm Soát từ ngày 23/9/2004 tại ĐHCĐ ngày 7/5/2011 bổ nhiệm Trưởng BKS thay thế Ông Ngô Đình Luyện được bổ nhiệm lên thành viên HĐQT	22.704
Ông: Vũ Nhất Tâm	Thành viên BKS	Thành viên Ban Kiểm Soát từ ngày 23/9/2004	14.196
Bà: Võ Thị Cẩm Hồng	Thành viên BKS	Thành viên Ban Kiểm Soát từ ngày 7/5/2011	1.140

Thù lao của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát

- Chủ tịch Hội đồng quản trị hưởng thù lao là : 6.000.000 đồng /tháng
- Các thành viên HĐQT hưởng thù lao là : 4.000.000 đồng /tháng
- Trưởng ban kiểm soát hưởng thù lao là : 4.000.000 đồng /tháng
- Các thành viên BKS hưởng thù lao là : 3.000.000 đồng /tháng

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

Giao dịch cổ đông lớn

TỔ CHỨC /NGƯỜI GIAO DỊCH	SLCP TRƯỚC GD	BÁN	NGÀY THỰC HIỆN	SLCP SAU GD	TỶ LỆ %
Vietnam Holding Limited	1.424.400	100000	25/12/2012	1.324.400	4,97

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Mua lại 1.300 cổ phiếu của 3 nhân viên nghỉ việc trước hạn trong chương trình bán cổ phiếu quỹ cho CBCNV theo nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường số 393 vào 04/11/2009.

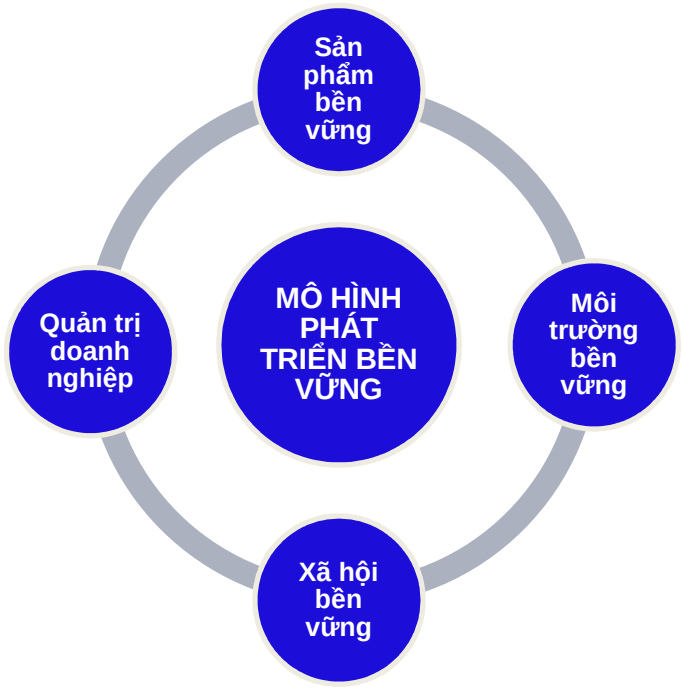
VI. BÁO CÁO BỀN VỮNG

- Mô hình phát triển bền vững
- Sản phẩm bền vững
- Môi trường bền vững
- Xã hội bền vững
- Quản trị doanh nghiệp



Khi đời sống ngày càng phát triển, yêu cầu về kinh tế, xã hội và đặc biệt là môi trường ngày một cao hơn, trở thành động lực thôi thúc mỗi người làm kinh doanh nâng cao khả năng của mình, mong muốn giúp khách hàng đạt được những yêu cầu ấy. Với kinh nghiệm và chuyên môn trong lĩnh vực kinh doanh Pin và Ắc quy trong suốt 36 năm qua, từ thiết kế đến sản xuất, PINACO ngày hôm nay đã có thể tạo nên những sản phẩm chất lượng kết hợp các tính năng bền vững, có thể tối ưu hóa năng lượng và hiệu quả hoạt động của các xí nghiệp, đáp ứng sự kì vọng ban đầu của khách hàng.

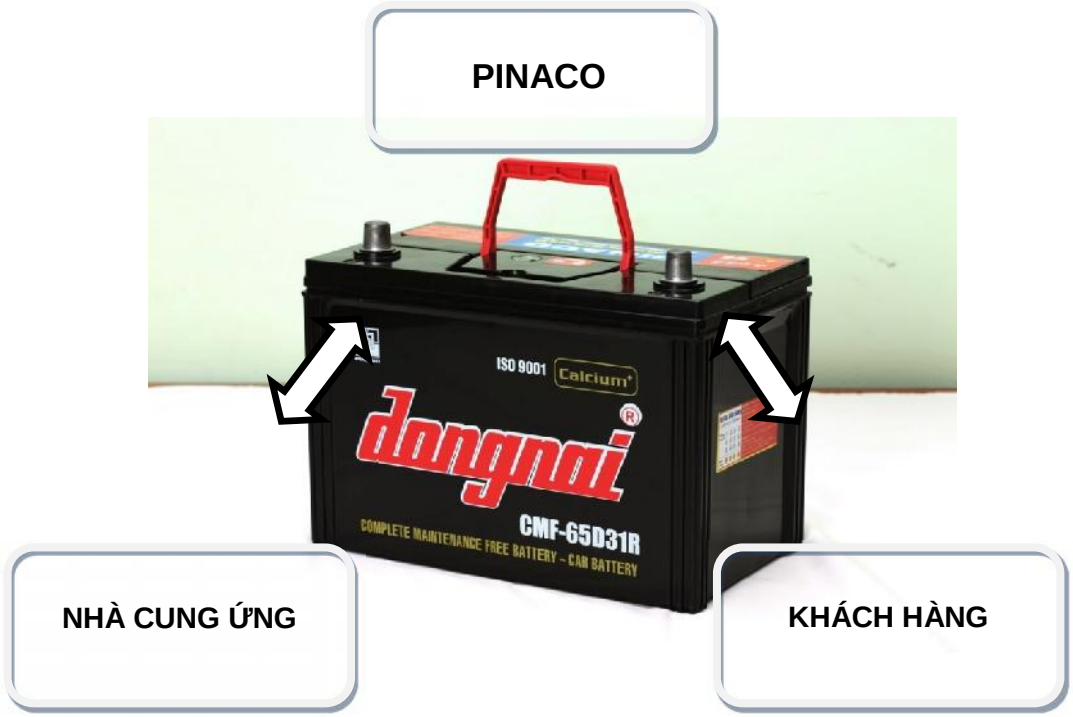
Tuy nhiên PINACO cũng hiểu rằng như thế là chưa đủ. Để hoàn thành trách nhiệm với cộng đồng, với xã hội, PINACO không chỉ luôn luôn nỗ lực tạo nên lợi nhuận kinh tế mà còn tham gia giải quyết những vấn đề nổi cộm của môi trường và xã hội với mong muốn truyền tải những giá trị tích cực nhất của PINACO đến mọi người. Những giá trị tích cực ấy có thể đến được với mọi người hay không sẽ quyết định sự thành công hay thất bại của Công ty, và PINACO đã chọn con đường phát triển **bền vững** để đồng hành cùng mọi người trên suốt chặng đường sau này.



Với vị thế là Công ty sản xuất Pin và Ắc quy lớn nhất cả nước, PINACO luôn luôn quán triệt các hoạt động phát triển bền vững. Phát triển bền vững là hướng đến cộng đồng, vì thế những hành động phải cụ thể và xuyên suốt, có ý nghĩa thực, được cộng đồng ghi nhận. Vì thế, PINACO luôn tổ chức giám sát, tập trung thực thi, ghi nhận công tác phát triển bền vững và kết quả cuối năm tổng kết những thành tích rất khả quan.

Sản phẩm bền vững

Sản phẩm bền vững là một chuỗi dây chuyền mà PINACO đã cam kết thực hiện với các khách hàng và nhà cung ứng của mình về việc sản xuất sản phẩm đến với người tiêu dùng cuối cùng.



Để sản xuất nên các thành phẩm Pin và Ắc quy, PINACO yêu cầu các nhà cung ứng của mình thực hiện quản lý các chất độc hại bị cấm sử dụng đối với tất cả các nguyên vật liệu, bán thành phẩm, chất phụ gia và vật liệu đóng gói cấu thành nên sản phẩm.

Từ những đầu vào chất lượng, PINACO cũng cam kết với các khách hàng của mình sẽ cung cấp các sản phẩm Pin và Ắc quy đúng tiêu chuẩn. PINACO tiến hành sản xuất theo tiêu chuẩn về quản lý hóa chất độc hại trong sản phẩm, đồng thời tuân thủ các nguyên tắc về bảo vệ môi trường và an toàn vệ sinh lao động. Với một chuỗi dây chuyền được kiểm soát chặt chẽ, PINACO tin rằng sản phẩm đến người tiêu dùng cuối cùng là sản phẩm tốt nhất, an toàn.

Để công tác quản lý lượng chất nguy hại trong sản phẩm theo tiêu chuẩn quản lý hóa chất độc hại của PINACO và khách hàng (HVN), PINACO đang soạn thảo tiêu chuẩn giới hạn sử dụng 6 chất nguy hại môi trường (**SOC6**) có chứa trong các phụ tùng, nguyên vật liệu, chất phụ gia và vật liệu đóng gói cấu thành pin acid chì ô tô hoặc pin acid chì công nghiệp.

SOC6 gồm có các chất sau: chì (hoặc hợp kim chì), cađimi (hoặc hợp kim cađimi), thủy ngân (hoặc hợp kim thủy ngân), Crom6 , PBB, PBDE. Nguyên vật liệu đầu vào sẽ không được sử dụng nếu chứa hàm lượng SOC6 vượt mức cho phép. Cụ thể về hàm lượng giới hạn của SOC6 như bên:

Tên hóa chất	*Hàm lượng giới hạn*	*Hàm lượng kiểm soát*
Chì (hoặc hợp kim chì)	*1000 ppm*	*500 ppm*
Cađimi (hoặc hợp kim cađimi)	*100 ppm*	*50 ppm*
Thủy ngân (hoặc hợp kim thủy ngân)	*1000 ppm*	*500 ppm*
Crom6	*1000 ppm*	*500 ppm*
PBB	*1000 ppm*	*500 ppm*
PBDE	*1000 ppm*	*500 ppm*

Môi trường bền vững

Là doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm Pin và Ắc quy, PINACO hiểu rõ nguy cơ luôn tiềm ẩn trong từng giai đoạn sản xuất, vì nếu môi trường (đất, nước và không khí) bị ô nhiễm khói bụi chì, nước thải acid sẽ gây hại cho sức khỏe của con người do chì là kim loại nặng độc hại. Chính vì nhận thức đó, các chính sách về bảo vệ môi trường được tuân thủ nghiêm ngặt, hầu hết các cơ sở sản xuất nằm trong khu công nghiệp và được trang bị hệ thống xử lý các chất độc hại. Ngay từ đầu năm 2006 Công ty đã lên kế hoạch xây dựng và thực hiện Hệ thống quản lý Môi trường **ISO 14001:2004.** Hiện nay, tài liệu về Hệ thống quản lý Môi trường đã được biên soạn xong và đang áp dụng ở tất cả các Xí nghiệp của Công ty. Mục tiêu luôn duy trì môi trường trong sạch, giữ gìn sức khỏe cho CB - CNLĐ và cộng đồng.

Năm 2012, kinh phí PINACO dành chi công tác bảo vệ môi trường lên đến hơn **6.8 tỷ đồng**, bao phủ tất cả các mảng: nước thải, khí thải, chất thải rắn. Công tác giám sát thực hiện, phòng cháy chữa cháy cũng được thực hiện triệt để. Cụ thể:

Công tác bảo vệ môi trường	Hành động	Đánh giá
Công tác xử lý nước thải	Hiện tại PINACO có 3 xí nghiệp sản xuất ắc quy và 1 xí nghiệp sản xuất pin, tất cả các Xí nghiệp thành viên đều có hệ thống xử lý nước thải. **Xí nghiệp Ắc quy Đồng Nai**: thiết bị quan trắc tự động để kiểm soát chỉ tiêu pH và TSS vừa được lắp đặt thêm theo yêu cầu của giấy phép xả thải, nước thải sau xử lý đạt QCVN 40/2011 cột A. Xí nghiệp này vừa nhận giấy phép xả thải mới số 1966-GP-UBNH 20/7/2012 do UBND tỉnh Đồng Nai cấp. **Xí nghiệp Ắc quy Sài Gòn**: đã nhận được giấy phép nghiệm thu của Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh cấp, nước sau xử lý đạt QCVN 40/2011 cột C. Hiện tại Xí nghiệp Ắc quy Sài Gòn đã có biên bản đấu nối nước thải với Ban quản lý KCN Tân Tạo. **Xí nghiệp Ắc quy Đồng Nai 2:** vừa mới đi vào hoạt động năm ngoái nhưng cũng đã tuân thủ nghiêm mọi quy định xử lý nước thải. Nước thải sau xử lý tại xí nghiệp này đạt QCVN 40/2011 cột A, có biên bản đấu nối nước thải với Ban quản lý KCN Dệt may Nhơn Trạch (QCVN 40/2011 cột B). Ngoài ra, Xí nghiệp Ắc quy Đồng Nai 2 cũng có ký hợp đồng xử lý nước thải với KCN Dệt may Nhơn Trạch. **Xí nghiệp Pin Con Ó:** đặc biệt lắp đặt thêm hệ thống xử lý	Trong suốt quá trình hoạt động, công tác xử lý nước thải luôn được 4 nhà máy tuân thủ đầy đủ.

	nước thải khâu điện dịch, nước sau xử lý đạt QCVN 40/2011 cột B. Đồng thời giấy phép xả thải cũng đã được Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Hồ Chí Minh cấp vào tháng 11/2011.	
Công tác xử lý khí thải	**Cả 3 Xí nghiệp Ắc quy** đều đã trang bị các hệ thống xử lý bụi, hơi acid, hơi chì tại các công đoạn phát sinh bụi và khí thải của các phân xưởng sản xuất. Trong năm 2012 PINACO đã đẩy mạnh nâng cao hệ thống xử lý khí thải hơn nữa. Cụ thể, Xí nghiệp Ắc quy Đồng Nai đã lắp đặt thêm một hệ thống xử lý bụi, hơi khí độc tại phân xưởng Đúc sườn và phân xưởng Bột chì, Xí nghiệp Ắc quy Sài Gòn lắp đặt thêm tại phân xưởng Đúc sườn. **Tại Xí nghiệp pin Con Ó**, vào tháng 7/2012, nhằm nâng cao chất lược lọc và xử lý khí, Xí nghiệp đã lắp đặt thêm 1 hệ thống xử lý bụi, hơi khí độc tại phân xưởng Nấu cán kẽm.	Các Xí nghiệp đều có các chỉ tiêu về chất lượng hơi khí thải công nghiệp đối với bụi và hơi khí độc trong nguồn thải đạt quy chuẩn cho phép QCVN19: 2009/BTNMT, đạt quy chuẩn về chất lượng không khí xung quanh cho phép QCVN 05-06: 2009/BTNMT và đạt tiêu chuẩn vệ sinh lao động theo quyết định 3733/2002/QĐ – BYT- 10/10/2012.
Công tác xử lý chất thải rắn - chất thải sinh hoạt - chất thải nguy hại	Hiện tại tất cả các đơn vị đều ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom – vận chuyển – xử lý .	
Công tác giám sát môi trường và tuân thủ pháp luật	Tất cả các đơn vị đều thực hiện đầy đủ chương trình giám sát môi trường hàng năm, việc thực hiện giám sát môi trường được thực hiện theo: ĐTM/Cam kết BVMT/ Đề án BVMT đã được phê duyệt.	
Kỹ thuật an toàn – Phòng cháy chữa cháy	Các hệ thống chống sét – nối đất và các ô tô của Công ty đều có đăng ký, đăng kiểm và còn hạn kiểm định, tất cả các đèn hàn gió đá đều có gắn các van an toàn chống nuốt lửa ngược để đảm bảo cháy nổ. Công ty còn thường xuyên kiểm tra, bảo trì hệ thống đường ống dẫn gas (có biên bản	Nhận thức được Kỹ thuật an toàn – Phòng cháy chữa cháy là điều cơ bản

	kiểm tra). Các thiết bị phòng cháy chữa cháy cũng được kiểm tra với tần suất 1 tuần 1 lần theo quy định của TCVN 3890:2009. Tại tất cả các máy móc thiết bị, phân xưởng sản xuất đều có treo bảng nội quy an toàn cũng như hướng dẫn vận hành thiết bị. Riêng đối với nơi để hóa chất đều có dán bảng cảnh báo an toàn hóa chất và phiếu an toàn hóa chất/ MSDS cho từng loại hóa chất. Trong tuần lễ quốc gia An toàn vệ sinh lao động – Phòng chống cháy nổ lần thứ 14 từ 18/3/2012 đến 24/3/2012, PINACO đã hưởng ứng tích cực với nhiều hoạt động phong phú như tổ chức diễn tập phòng cháy chữa cháy, tổ chức nghe nói chuyện chuyên đề với số lượng cán bộ công nhân lao động tham gia gần 400 người. Công ty còn chiếu phim, các tranh ảnh trong toàn Công ty, tổ chức hội thi hái hoa dân chủ về các chủ đề Bảo hộ lao động, 5S, Môi trường, An toàn vệ sinh lao động – Phòng cháy chữa cháy để tuyên truyền cổ động tuần lễ Quốc gia an toàn.	và vô cùng quan trọng góp phần tạo môi trường bền vững cho doanh nghiệp và người lao động, đặc biệt là với một Công ty sản xuất Pin - Ắc quy với nhiều công đoạn và trang thiết bị có thể dẫn đến cháy nổ nếu sơ suất xảy ra, toàn thể PINACO luôn hết sức cẩn thận và tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc an toàn. Hoàn thành tốt công tác Kỹ thuật an toàn – Phòng cháy chữa cháy, trong năm 2012, Công ty đã không xảy ra vụ cháy nổ hay tai nạn lao động nặng nào.

ĐÁNH GIÁ CHUNG CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong giai đoạn hiện tại, công tác xây dựng môi trường bền vững tại PINACO vẫn gặp một số khó khăn như một số đơn vị có mặt bằng nhà xưởng chật hẹp, khu lưu chứa chất thải nguy hại chật hẹp. Xí nghiệp Ắc quy Sài Gòn còn bị ảnh hưởng của nước ngập do triều cường dâng cao. Xí nghiệp Pin Con Ó còn nằm trong khu dân cư nên việc sản xuất cũng có những hạn chế. Tuy vậy, năm 2012 PINACO không có xảy ra sự cố hay vi phạm về môi trường. Công tác bảo vệ môi trường luôn được PINACO quan tâm và tuân thủ các yêu cầu pháp luật về bảo vệ môi trường.

Năm 2012, PINACO đã được cấp giấy chứng nhận ISO 14001:2004 cho Xí nghiệp Ắc quy Đồng Nai và Xí nghiệp Ắc quy Đồng Nai 2.

Xã hội bền vững

Một xã hội bền vững là một phần trong chiến lược phát triển bền vững của PINACO. Muốn đạt được điều này, đầu tiên ngay nội tại Công ty phải là một xã hội bền vững. PINACO luôn đảm bảo các hoạt động thân thiện với môi trường trong quá trình sản xuất và quan tâm đến người lao động không chỉ về mặt vật chất mà còn về mặt tinh thần, tạo điều kiện giúp họ tái tạo sức lao động, tôn trọng quyền bình đẳng nam nữ, không phân biệt đối xử về mặt giới tính trong tuyển dụng lao động và trả lương đảm bảo sự công bằng về năng lực của mỗi người. Những sản phẩm PINACO cung cấp là những sản phẩm có chất lượng tốt, an toàn, có trách nhiệm cuối cùng với sản phẩm sản xuất đưa ra tiêu dùng xã hội.

Hàng năm PINACO dành một phần lợi nhuận đóng góp cho các hoạt động trợ giúp cộng đồng, vì cộng đồng, san sẻ gánh nặng với cộng đồng, sẵn sàng chia sẻ lợi ích với cộng đồng. Cụ thể trong năm 2012, PINACO đã tích cực tham gia các công tác xã hội góp phần xây dựng một xã hội phát triển ngày một bền vững hơn.

- Xét giúp đỡ sửa chữa, xây dựng nhà cho 15 hộ gia đình CNLĐ với số tiền: 225 triệu đồng.
- Trợ giúp CNLĐ mắc bệnh nặng và những người có hoàn cảnh gia đình khó khăn: 25 người với số tiền 50 triệu đồng. Thăm tặng quà cán bộ và công nhân hưu trí: 93 triệu đồng.
- Ủng hộ cuộc vận động vì "Tấm lưới nghĩa tình với ngư dân Hoàng Sa, Trường Sa": 30 triệu đồng. Ủng hộ trẻ em khuyết tật, các cháu trẻ em nghèo với địa phương gồm : 20 triệu đồng.

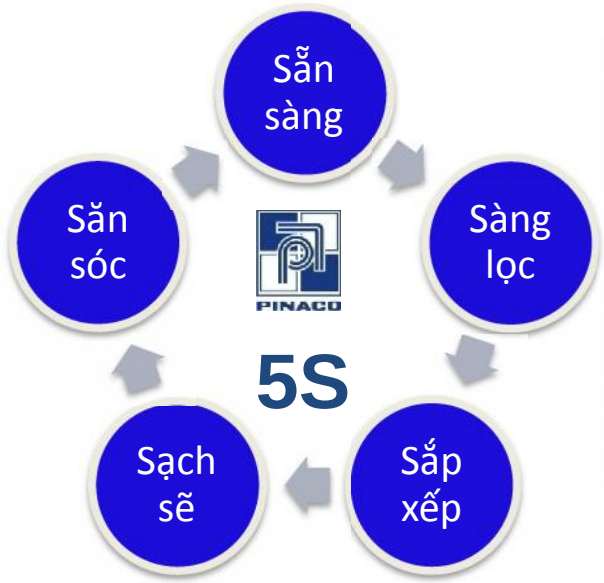
Như một truyền thống, trong năm 2013, PINACO sẽ tiếp tục triển khai các hoạt động xã hội, kế hoạch năm 2013 như sau:

- Tiếp tục trích 1 tỷ đồng từ quỹ phúc lợi bổ sung vào quỹ hưu trí để chăm lo giúp đỡ cho cán bộ, công nhân lao động hưu trí Công ty.
- Trích 500 triệu đồng để làm công tác xã hội từ thiện: chăm lo trợ giúp cho những công nhân lao động có hoàn cảnh gia đình khó khăn, người mắc bệnh nặng, ủng hộ đóng góp với địa phương, thiên tai, bão lụt và các công tác từ thiện xã hội khác, …

PINACO đã tiến hành thực hiện 5S nhằm nâng cao điều kiện và môi trường làm việc cho người lao động, từng bước làm thay đổi cách suy nghĩ, thói quen làm việc, tăng cường khả năng sáng tạo trong công việc.

Công ty dành thời gian sắp xếp mặt bằng nhà xưởng, bố trí thiết bị hợp lý thông thoáng trong đơn vị, duy trì cảnh quan vườn hoa cây cảnh xung quanh. Xe hút bụi công nghiệp được trang bị và Công ty bố trí lao động chuyên hút bụi nền tại nhà máy sản xuất ắc quy. Ngoài ra tại các Xí nghiệp, hệ thống quạt làm mát được khôi phục và lắp đặt, các tấm tôn nhựa lấy ánh sáng tự nhiên được thay tại các phân xưởng để tiết kiệm điện.

Nhờ sắp xếp gọn gàng và giữ cho không gian bên trong nhà máy luôn thoáng mát sạch sẽ, đồng thời công nhân luôn được khuyến khích sắp đặt các palet nguyên liệu, thiết bị đúng nơi quy định trong quá trình sản xuất nên hiệu quả sản xuất của xí nghiệp gần đây đã được nâng lên rõ rệt.





Một góc nhìn môi trường làm việc tại PINACO: thoáng mát, sạch sẽ, thuận tiện

Một môi trường sạch cũng luôn là mối quan tâm hàng đầu. PINACO lắp đặt các thiết bị xử lý bụi, hơi khí độc tại tất cả các khâu phát sinh: hóa thành, cắt thẻ, phân xưởng đúc sườn – bột chì tại các Xí nghiệp sản xuất ắc quy và phân xưởng nấu đúc kẽm của Xí nghiệp Pin Con Ó. Trong năm 2012, tổng kinh phí hoạt động lên đến **5,8** tỷ đồng.

5,8 tỷ đồng kinh phí

Quan tâm người lao động

Công ty luôn luôn lắng nghe và cố gắng truyền tải sự quan tâm đối với người lao động bằng cách tạo môi trường làm việc tốt nhất cho mọi người. Cụ thể, Công ty tổ chức nấu nước mát cho người lao động khi mùa nắng nóng , tổ chức giặt quần áo bảo hộ lao động tập trung bằng máy cho người lao động tại các Xí nghiệp Ắc quy đảm bảo quần áo được giặt sạch nhất khi giao tay người lao động, đồng thời góp phần tiết kiệm điện. Hiện nay tại các khâu độc hại trong toàn Công ty đã trang bị cho người lao động khẩu trang có miếng than hoạt tính lọc độc. Đối với các Xí nghiệp Ắc quy và các khâu độc hại của Xí nghiệp, người lao động còn được cấp phát áo thun thay khi đi ăn cơm giữa ca.



Chăm sóc sức khỏe người lao động cũng là mối quan tâm hàng đầu của PINACO. Người lao động được nấu bồi dưỡng sáng và giữa ca, Công ty có Ban an toàn thường xuyên đi kiểm tra và lưu mẫu thức ăn của bếp ăn tập thể, kiểm tra nguồn gốc thức ăn mua vào. Hàng tháng bác sĩ của Bệnh viện Nguyễn Trãi được mời đến từng đơn vị để khám sức khỏe cho cán bộ công nhân lao động của toàn Công ty. Người lao động được khám sức khỏe định kỳ và khám bệnh nghề nghiệp theo quy định của nhà nước, người lao động bị sơ nhiễm chì được các đơn vị đưa đi điều trị tại Bệnh viện điều dưỡng thành phố Hồ Chí Minh và Trung tâm Y tế Môi trường lao động II – Bộ Công Thương. Công ty đã triển khai áp dụng thông tư 13/2012 về thực hiện chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với người lao động làm việc trong môi trường có yếu tố nguy hiểm- độc hại.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số

4103002690		ngày 23 tháng 09 năm 2004
4103002690	điều chỉnh lần 1	ngày 17 tháng 04 năm 2007
4103002690	điều chỉnh lần 2	ngày 09 tháng 11 năm 2007
4103002690	điều chỉnh lần 3	ngày 21 tháng 05 năm 2008
4103002690	điều chỉnh lần 4	ngày 06 tháng 08 năm 2008
4103002690	điều chỉnh lần 5	ngày 12 tháng 05 năm 2009
0300405462	điều chỉnh lần 6	ngày 23 tháng 09 năm 2010
0300405462	điều chỉnh lần 7	ngày 31 tháng 05 năm 2011
0300405462	điều chỉnh lần 8	ngày 26 tháng 08 năm 2011
0300405462	điều chỉnh lần 9	ngày 28 tháng 10 năm 2011
0300405462	điều chỉnh lần 10	ngày 05 tháng 07 năm 2012
0300405462	điều chỉnh lần 11	ngày 06 tháng 02 năm 2013

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy phép điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị	Trịnh Anh Tuấn	Chủ tịch
	Trần Thanh Văn	Thành viên
	Phạm Kiều Diễm	Thành viên
	Ngô Đình Luyện	Thành viên
	Cao Trọng Miên	Thành viên
Ban Kiểm soát	Tạ Duy Linh	Trưởng Ban Kiểm soát
	Vũ Nhất Tâm	Thành viên
	Võ Thị Cẩm Hồng	Thành viên
Ban Giám đốc	Trần Thanh Văn	Tổng Giám đốc
	Nguyễn Bảo Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
	Trương Võ Văn Chính	Phó Tổng Giám đốc
Trụ sở đăng ký	321 Trần Hưng Đạo Phường Cô Giang, Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

(a) Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 41, đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan; và

(b) Tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Nhóm công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Thanh Văn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	**100**		**727.230.853.900**	**753.826.286.329**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	5	**83.912.724.201**	**51.478.243.869**
Tiền	111		30.912.724.201	51.478.243.869
Các khoản tương đương tiền	112		53.000.000.000	-
Các khoản đầu tư ngắn hạn	**120**	**6**	**45.000.000.000**	-
Các khoản phải thu	**130**	**7**	**161.089.419.878**	**142.120.330.034**
Phải thu khách hàng	131		152.242.553.154	112.448.107.692
Trả trước cho người bán	132		7.183.009.076	31.683.327.987
Các khoản phải thu khác	135		3.544.734.584	74.392.561
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(1.880.876.936)	(2.085.498.206)
Hàng tồn kho	**140**	8	**420.173.730.956**	**543.502.062.085**
Hàng tồn kho	141		420.640.882.135	543.660.107.740
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(467.151.179)	(158.045.655)
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**17.054.978.865**	**16.725.650.341**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.971.557.729	1.580.767.051
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12.075.420.481	13.250.098.824
Tài sản ngắn hạn khác	158		2.008.000.655	1.894.784.466
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 260)	**200**		**418.260.035.334**	**433.269.675.708**
Tài sản cố định	**220**		**410.119.090.570**	**429.962.122.666**
Tài sản cố định hữu hình	221	1	368.644.916.086	284.744.047.302
Nguyên giá	222		629.676.841.492	494.105.922.147
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(261.031.925.406)	(209.361.874.845)
Tài sản cố định vô hình	227	4	29.084.964.173	29.013.923.110
Nguyên giá	228		50.376.360.314	49.541.944.776
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(21.291.396.141)	(20.528.021.666)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	0	12.389.210.311	116.204.152.254
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**294.020.000**	**294.020.000**
Đầu tư dài hạn khác	258		294.020.000	294.020.000
Tài sản dài hạn khác	**260**		**7.846.924.764**	**3.013.533.042**
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	5.102.861.087	1.787.224.398
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	2.553.663.677	1.065.908.644
Tài sản dài hạn khác	268		190.400.000	160.400.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**1.145.490.889.234**	**1.187.095.962.037**

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	**300**		**615.330.213.825**	**637.439.109.437**
Nợ ngắn hạn	**310**		**614.807.213.825**	**623.546.702.911**
Vay ngắn hạn	311	14	292.690.478.278	361.971.385.357
Phải trả người bán	312		176.336.835.389	127.083.750.835
Người mua trả tiền trước	313		592.842.014	1.353.412.777
Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	15	10.036.248.896	7.141.701.191
Phải trả người lao động	315		69.604.090.741	70.888.285.281
Chi phí phải trả	316	16	27.403.760.573	28.204.490.416
Các khoản phải trả khác	319	17	23.335.867.271	15.776.589.276
Dự phòng bảo hành	320	19	8.181.035.629	4.648.537.973
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		6.626.055.034	6.478.549.805
Nợ dài hạn	**330**		**523.000.000**	**13.892.406.526**
Phải trả dài hạn khác	333		523.000.000	1.019.000.000
Vay dài hạn	334	18	-	9.373.406.526
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	19	-	3.500.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	**400**		**530.183.953.106**	**549.674.522.130**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**20**	**530.183.953.106**	**549.674.522.130**
Vốn cổ phần	411	21	269.878.430.000	269.878.430.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		62.295.088.755	62.295.088.755
Cổ phiếu quỹ	414	21	(14.367.110.657)	(14.367.110.657)
Quỹ đầu tư phát triển	417	22	80.384.982.904	77.177.527.175
Quỹ dự phòng tài chính	418	22	26.987.843.000	25.161.897.230
Lợi nhuận chưa phân phối	420		105.004.719.104	129.528.689.627
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	**439**		**(23.277.697)**	**(17.669.530)**
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	**440**		**1.145.490.889.234**	**1.187.095.962.037**

Ngày 22 tháng 3 năm 2013

Người lập

Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng

Người duyệt

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

Trần Thanh Văn
Tổng Giám đốc

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
Tổng doanh thu	**01**	23	**1.870.422.735.605**	**1.979.599.539.887**
Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**		**(680.156.160)**	**(749.029.549)**
Doanh thu thuần (10 = 01 + 02)	**10**		**1.869.742.579.445**	**1.978.850.510.338**
Giá vốn hàng bán	**11**		**(1.492.621.615.906)**	**(1.563.466.960.248)**
Lợi nhuận gộp (20 = 10 + 11)	**20**		**377.120.963.539**	**415.383.550.090**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	10.079.040.082	20.290.558.064
Chi phí tài chính	22	25	(27.229.541.770)	(80.916.895.691)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		*(22.068.211.186)*	*(27.580.116.911)*
Chi phí bán hàng	24		(244.131.264.314)	(198.239.688.508)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(32.391.663.567)	(44.827.463.033)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 24 + 25)	**30**		**83.447.533.970**	**111.690.060.922**
Thu nhập khác	31	26	1.509.402.356	6.429.845.122
Chi phí khác	32	27	(22.582.462)	(6.248.855.560)
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 + 32)	**40**		**1.486.819.894**	**180.989.562**

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**84.934.353.864**	**111.871.050.484**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	28	**(22.287.014.730)**	**(14.443.151.450)**
Lợi ích/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	**52**	28	**1.487.755.033**	**(589.125.612)**
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 + 51 + 52)	**60**		**64.135.094.167**	**96.838.773.422**
Phân bổ cho:				
Lợi ích cổ đông thiểu số			(5.608.167)	(17.669.530)
Chủ sở hữu của Công ty			64.140.702.334	96.856.442.952
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**29**	**2.409**	**3.638**

Ngày 22 tháng 3 năm 2013

Người lập	Người duyệt
Nguyễn Duy Hưng	**Trần Thanh Văn**
Kế toán trưởng	*Tổng Giám đốc*

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	**01**		**84.934.353.864**	**111.871.050.484**
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		52.528.035.786	35.197.821.593
Các khoản dự phòng	03		(3.395.515.746)	4.975.848.581
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		(1.315.317.356)	253.089.150
Lãi thanh lý tài sản cố định	05		(545.455)	(287.475.020)
Thu nhập lãi tiền gửi	06		(5.928.569.197)	(11.758.992.868)
Chi phí lãi vay	07		22.068.211.186	27.580.116.911
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	**08**		**148.890.653.082**	**167.831.458.831**
Biến động các khoản phải thu	09		(14.932.128.458)	(62.864.427.919)
Biến động hàng tồn kho	10		123.019.225.605	(42.685.703.601)
Biến động các khoản phải trả	11		49.005.920.841	51.109.611.408
Biến động chi phí trả trước	12		344.995.675	(2.736.492.629)
			306.328.666.745	**110.654.446.090**
Tiền lãi vay đã trả	13		(22.853.106.475)	(27.015.102.530)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(17.518.761.237)	(13.892.028.487)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(6.267.406.229)	(2.701.199.260)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	**20**		**259.689.392.804**	**67.046.115.813**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(37.766.426.732)	(161.790.025.705)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		545.455	287.270.546
Gửi tiền có kỳ hạn	25		(45.000.000.000)	-
Thu lãi tiền gửi	27		3.116.069.197	14.503.931.033
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	**30**		**(79.649.812.080)**	**(146.998.824.126)**

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		1.321.162.567.376	1.112.630.677.217
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.398.768.160.407)	(1.168.346.186.470)
Tiền thanh toán khoản phải trả dài hạn khác	35		(496.000.000)	-
Tiền trả cổ tức	36		(69.730.791.200)	(10.156.104.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	**40**		**(147.832.384.231)**	**(65.871.614.053)**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	**50**		**32.207.196.493**	**(145.824.322.366)**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	**60**		**51.478.243.869**	**197.241.764.050**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	**61**		**227.283.839**	**60.802.185**
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	**70**	5	**83.912.724.201**	**51.478.243.869**

Ngày 22 tháng 3 năm 2013

Người lập	Người duyệt
Nguyễn Duy Hưng	**Trần Thanh Văn**
Kế toán trưởng	*Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Pin Ắc Quy Miền Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và phân phối pin và ắc quy.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là "Nhóm công ty"). Chi tiết của công ty con, được thành lập tại Việt Nam, như sau:

Công ty con	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	Phần trăm sở hữu thực tế
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Việt Gia Phú	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất và bán buôn nguyên vật liệu, thiết bị được sử dụng trong xây dựng.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0310500637 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 12 năm 2010.	60%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Nhóm công ty có 1.151 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 1.091 nhân viên) và Công ty có 1.149 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 1.089 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND").

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

a) Cơ sở hợp nhất

i. Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

ii. Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Nhóm công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

g) Tài sản cố định hữu hình

i. Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

ii. Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa và cấu trúc	10 – 25 năm
Máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
Phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 6 năm
Khác	5 năm

h) Tài sản cố định vô hình

i. Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

ii. Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

j) Chi phí trả trước dài hạn

i. Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ phát sinh liên quan đến việc phục vụ hoạt động sản xuất của nhà máy. Các chi phí này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

ii. Chi phí khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí quảng cáo và các chi phí khác liên quan đến việc phục vụ hoạt động kinh doanh của Nhóm công ty. Các chi phí này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

i. Bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Nhóm công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 180/2012/TT-BTC, yêu cầu tất cả các khoản dự phòng trợ cấp thôi việc đều được hoàn nhập. Nhóm công ty đã thực hiện theo Thông tư

180 và đã hoàn nhập tất cả dự phòng trợ cấp thôi việc vào thu nhập trong năm 2012.

m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích cung cấp các thông tin thuyết minh về mức trọng yếu của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Nhóm công ty và tính chất và phạm vi rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Nhóm công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

i. Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - Tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Nhóm công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Nhóm công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Nhóm công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các tài sản tài chính đã được Nhóm công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà Nhóm công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Nhóm công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Nhóm công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là :

- Các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn ; hoặc
- Các khoản cho vay và các khoản phải thu .

ii. Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - Được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;

- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Nhóm công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

o) Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế vào mỗi kỳ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được dành riêng để chi trả tiền thưởng và các phúc lợi khác cho nhân viên Nhóm công ty.

p) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

s) Lãi trên cổ phiếu

Nhóm công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Nhóm công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Nhóm công ty không có lãi suy giảm trên cổ phiếu.

t) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm các nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất cùng các công ty con và các công ty liên kết.

u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý) , mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Nhóm công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh pin và ắc quy.

4. Báo cáo bộ phận

Bộ phận chia theo vùng địa lý

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng	
	2012 VND	2011 VND	2012 VND	2011 VND	2012 VND	2011 VND
Doanh thu bán ra bên ngoài	1.519.029.190.855	1.671.211.161.766	350.713.388.590	307.639.348.572	1.869.742.579.445	1.978.850.510.338
Tài sản của bộ phận	1.145.490.889.234	1.187.095.962.037	-	-	1.145.490.889.234	1.187.095.962.037
Chi tiêu vốn	37.766.426.732	161.790.025.705	-	-	37.766.426.732	161.790.025.705

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	992.245.694	1.204.167.577
Tiền gửi ngân hàng	29.920.478.507	50.274.076.292
Các khoản tương đương tiền	53.000.000.000	-
	83.912.724.201	51.478.243.869

6. Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn phản ánh tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có thời gian đáo hạn trong vòng 12 tháng từ ngày phát sinh và có lãi suất năm dao động từ 9% đến 12%.

7. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khác bao gồm:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	2.812.500.000	-
Tài sản chờ thanh lý	468.209.325	21.721.915
Khác	264.025.259	52.670.646
	3.544.734.584	74.392.561

8. Hàng tồn kho

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Nguyên vật liệu	187.223.919.316	200.439.520.972
Thành phẩm	96.185.552.135	234.423.337.529
Hàng mua đang đi đường	71.660.196.599	41.901.856.727
Sản phẩm dở dang	65.266.684.792	66.805.746.026
Hàng hóa tồn kho	304.529.293	89.646.486
	420.640.882.135	543.660.107.740
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(467.151.179)	(158.045.655)
	420.173.730.956	543.502.062.085

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	158.045.655	-
Tăng dự phòng trong năm	309.105.524	158.045.655
Số dư cuối năm	467.151.179	158.045.655

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và cấu trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	102.352.650.750	366.975.562.210	14.847.922.063	9.127.781.824	802.005.300	494.105.922.147
Tăng trong năm	-	3.462.486.954	-	97.949.591	-	3.560.436.545
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	28.409.065.377	102.866.724.536	-	331.803.637	497.500.000	132.105.093.550
Thanh lý	-	-	-	(94.610.750)	-	(94.610.750)
Phân loại lại	6.496.963	(466.381.716)	1.984.622.249	(1.524.737.496)	-	-
Số dư cuối năm	130.768.213.090	472.838.391.984	16.832.544.312	7.938.186.806	1.299.505.300	629.676.841.492
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	27.834.660.291	168.886.905.721	7.810.912.873	4.760.840.987	68.554.973	209.361.874.845
Khấu hao trong năm	7.557.109.692	40.969.722.778	1.310.811.479	1.704.329.648	222.687.714	51.764.661.311
Thanh lý	-	-	-	(94.610.750)	-	(94.610.750)
Phân loại lại	2.611.114	(87.894.724)	254.271.926	(168.988.316)	-	-
Số dư cuối năm	35.394.381.097	209.768.733.775	9.375.996.278	6.201.571.569	291.242.687	261.031.925.406
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	74.517.990.459	198.088.656.489	7.037.009.190	4.366.940.837	733.450.327	284.744.047.302
Số dư cuối năm	95.373.831.993	263.069.658.209	7.456.548.034	1.736.615.237	1.008.262.613	368.644.916.086

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 149.790 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 (31/12/2011: 121.403 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, không có tài sản cố định hữu hình (31/12/2011: 3.013 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm công ty.

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Tổng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	47.293.702.056	2.248.242.720	49.541.944.776
Tăng trong năm	-	834.415.538	834.415.538
Số dư cuối năm	47.293.702.056	3.082.658.258	50.376.360.314
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	18.527.936.164	2.000.085.502	20.528.021.666
Khấu hao trong năm	543.360.877	220.013.598	763.374.475
Số dư cuối năm	19.071.297.041	2.220.099.100	21.291.396.141
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	28.765.765.892	248.157.218	29.013.923.110
Số dư cuối năm	28.222.405.015	862.559.158	29.084.964.173

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 18.564 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 (31/12/2011: 18.442 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	2012	2011
	VND	VND
Số dư đầu năm	116.204.152.254	160.844.590.146
Tăng trong năm	33.341.574.649	158.602.789.239
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(132.105.093.550)	(203.243.227.131)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(5.051.423.042)	-
Số dư cuối năm	12.389.210.311	116.204.152.254

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, xây dựng cơ bản dở dang (31/12/2011: 43.517 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm công ty là không.

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang bao gồm:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Chi phí trả trước cho máy móc và thiết bị	6.979.072.570	87.388.392.709
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.139.017.479	28.815.759.545
Chi phí phục hồi và nâng cấp trọng yếu	271.120.262	-
	12.389.210.311	116.204.152.254

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	1.302.570.732	484.653.666	1.787.224.398
Tăng trong năm	-	143.630.364	143.630.364
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	5.051.423.042	-	5.051.423.042
Phân bổ trong năm	(1.606.187.696)	(273.229.021)	(1.879.416.717)
Số dư cuối năm	4.747.806.078	355.055.009	5.102.861.087

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Dự phòng trợ cấp thôi việc	-	279.918.154
Chi phí phải trả	438.032.425	180.656.666
Dự phòng bảo hành	2.045.258.907	581.067.247
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	116.787.795	19.755.707
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(46.415.450)	4.510.870
	2.553.663.677	1.065.908.644

14. Vay ngắn hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay ngắn hạn	292.690.478.278	355.083.299.779
Vay dài hạn đến hạn trả (thuyết minh 18)	-	6.888.085.578
	292.690.478.278	361.971.385.357

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Ngân hàng Thương mại Chinatrust Việt Nam	USD	3,50% - 4,50%	24.243.963.719	-
Ngân hàng Thương mại Chinatrust Việt Nam	VND	18,00%	-	24.770.237.818
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	9,00%	-	25.064.094.945
Ngân hàng TNHH Indovina	USD	5,00%	-	26.065.169.150
Ngân hàng TNHH HSBC (Việt Nam)	VND	9,00% - 17,00%	-	27.065.214.865
Ngân hàng TNHH HSBC (Việt Nam)	USD	3,40% - 5,00%	146.049.406.255	147.035.840.228
Ngân hàng TNHH ANZ (Việt Nam)	USD	3,40%	21.345.170.562	18.271.720.200
Ngân hàng TNHH ANZ (Việt Nam)	VND	18,00%	-	11.451.026.933
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	USD	6,00% - 6,50%	45.808.641.744	15.233.765.199
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	EUR	6,25%	-	518.273.569
Ngân hàng First Commercial Bank	USD	5,30%	-	58.524.900.872
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	USD	3,70% - 4,00%	55.243.295.998	1.083.056.000
			292.690.478.278	355.083.299.779

Tất cả các khoản vay ngắn hạn ngân hàng không có đảm bảo bằng tài sản.

15. Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.518.173.358	3.749.919.865
Thuế thu nhập cá nhân	457.082.239	536.893.667
Thuế giá trị gia tăng	1.059.763.339	2.853.510.339
Các loại thuế khác	1.229.960	1.377.320
	10.036.248.896	7.141.701.191

16. Chi phí phải trả

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Hoa hồng phải trả đại lý	25.651.630.874	15.142.499.980
Xây dựng cơ bản dở dang	-	11.616.737.110
Chi phí lãi vay	468.358.037	1.253.253.326
Chi phí phải trả khác	1.283.771.662	192.000.000
	27.403.760.573	28.204.490.416

17. Các khoản phải trả khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Kinh phí công đoàn	2.915.610.111	2.994.706.669
Bảo hiểm xã hội	89.108.965	64.044.689
Cổ tức phải trả	18.638.431.700	11.152.863.000
Phải trả khác	1.692.716.495	1.564.974.918
	23.335.867.271	15.776.589.276

18. Vay dài hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay dài hạn	-	16.261.492.104
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (thuyết minh 14)	-	(6.888.085.578)
Hoàn trả sau 12 tháng	-	9.373.406.526

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	Năm đáo hạn	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	VND	18,0%	2012	-	2.115.457.118
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	USD	6,5%	2012 - 2013	-	8.456.792.840
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	EUR	6,0%	2012 - 2013	-	5.689.242.146
				-	16.261.492.104

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tất cả các khoản vay dài hạn đã được trả cho ngân hàng.

19. Dự phòng

Biến động của các khoản dự phòng trong năm như sau:

	Bảo hành VND	Trợ cấp thôi việc VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	4.648.537.973	3.500.000.000	8.148.537.973
Dự phòng lập trong năm	3.532.497.656	-	3.532.497.656
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(3.500.000.000)	(3.500.000.000)
Số dư cuối năm	8.181.035.629	-	8.181.035.629

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã đóng 379 triệu VND (31/12/2011: 324 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Nhóm công ty đã hoàn nhập tất cả khoản dự phòng trợ cấp thôi việc theo Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012. Xem thuyết minh 3(k) cho thông tin chi tiết.

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	225.501.220.000	62.295.088.755	(14.367.110.657)	58.684.898.016	21.036.091.015	127.570.246.793	480.720.433.922
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	96.856.442.952	96.856.442.952
Cổ tức							
- Cổ phiếu	44.377.210.000	-	-	-	-	(44.377.210.000)	-
- Tiền (thuyết minh 30)	-	-	-	-	-	(21.301.064.800)	(21.301.064.800)
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	18.492.629.159	4.125.806.215	(22.618.435.374)	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(6.601.289.944)	(6.601.289.944)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	269.878.430.000	62.295.088.755	(14.367.110.657)	77.177.527.175	25.161.897.230	129.528.689.627	549.674.522.130
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	64.140.702.334	64.140.702.334
Cổ tức							
- Đã công bố nhưng chưa trả	-	-	-	-	-	(18.638.431.700)	(18.638.431.700)
- Tiền (thuyết minh 30)	-	-	-		-	(58.577.928.200)	(58.577.928.200)
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	3.207.455.729	1.825.945.770	(5.033.401.499)	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(6.414.911.458)	(6.414.911.458)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	269.878.430.000	62.295.088.755	(14.367.110.657)	80.384.982.904	26.987.843.000	105.004.719.104	530.183.953.106

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Nhóm công ty là:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Số cổ phiếu	**VND**	**Số cổ phiếu**	**VND**
Vốn cổ phần được duyệt	26.987.843	269.878.430.000	26.987.843	269.878.430.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	26.987.843	269.878.430.000	26.987.843	269.878.430.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(361.512)	(14.367.110.657)	(361.512)	(14.367.110.657)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	26.626.331	266.263.310.000	26.626.331	266.263.310.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Nhóm công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Nhóm công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Nhóm công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Nhóm công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

22. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu bao gồm quỹ đầu tư và phát triển và quỹ dự phòng tài chính, được trích lập từ lợi nhuận sau thuế từng kỳ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản sử dụng được chuyển sang vốn cổ phần.

23. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu bao gồm 38.085.362.636 VND là doanh thu từ hàng khuyến mãi phát sinh trong năm 2011. Khoản doanh thu này được ghi nhận trong báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước. Doanh thu hàng khuyến mãi phát sinh trong năm 2012 là 32.482.142.301 VND cũng được ghi nhận trong báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	2012 VND	2011 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.928.569.197	11.759.197.342
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.310.949.546	8.517.148.856
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.315.317.356	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	524.203.983	14.211.866
	10.079.040.082	20.290.558.064

25. Chi phí tài chính

	2012 VND	2011 VND
Chi phí lãi vay	22.068.211.186	27.580.116.911
Chi phí giảm giá	742.334.279	1.230.017.604
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.418.996.305	51.853.672.026
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	253.089.150
	27.229.541.770	80.916.895.691

26. Thu nhập khác

	2012 VND	2011 VND
Bán phế liệu	1.236.602.425	6.142.574.576
Lãi do thanh lý tài sản cố định hữu hình	545.455	287.270.546
Thu nhập khác	272.254.476	-
	1.509.402.356	6.429.845.122

27. Chi phí khác

	2012 VND	2011 VND
Chi phí bán phế liệu	-	5.375.822.604
Thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ	-	828.781.255
Chi phí khác	22.582.462	44.251.701
	22.582.462	6.248.855.560

28. Thuế thu nhập

a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2012 VND	2011 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành (*)	22.287.014.730	14.443.151.450
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(421.846.389)	589.125.612
Ảnh hưởng của thay đổi trong thuế suất	(1.065.908.644)	-
	(1.487.755.033)	589.125.612
Chi phí thuế thu nhập	20.799.259.697	15.032.277.062

(*) Trong chi phí thuế hiện hành có một khoản 1.425.046.670 VND Công ty phải nộp thêm theo đề nghị của Kiểm toán Nhà nước dựa trên kết quả kiểm toán năm 2011.

b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuậntrước thuế	84.934.353.864	111.915.224.310
Thuế tính theo thuế suất của Nhóm công ty	21.233.588.466	27.978.806.078
Ảnh hưởng của thay đổi trong thuế suất	(1.065.908.644)	-
Ưu đãi thuế	-	(13.305.425.171)
Chi phí không được khấu trừ thuế	373.214.916	358.896.155
Ảnh hưởng thay đổi bởi Kiểm toán Nhà nước	254.859.855	
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận – Việt Gia Phú	3.505.104	-
	20.799.259.697	15.032.277.062

c) Thuế suất áp dụng

Công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập như sau:

Đơn vị	Thuế suất hiện hành	Ưu đãi thuế
Công ty Cổ phần Pin Ắc Quy Miền Nam	25%	Được miễn thuế hai năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận tính thuế (2005) và được giảm 50% trong 5 năm tiếp theo.
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Việt Gia Phú	25%	Không

Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Công ty không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp tính từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 25%.

29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 64.140.702.334 VND (2011: 96.856.442.952 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 26.626.331 (2011: 26.626.331), được tính như sau:

i. Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	64.140.702.334	96.856.442.952

ii. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2012	2011
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	26.626.331	22.188.610
Ảnh hưởng của việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	4.437.721
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12	26.626.331	26.626.331

30. Cổ tức

Cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 21 tháng 4 năm 2012 và ngày 6 tháng 12 năm 2012 đã quyết định phân phối khoản cổ tức lần lượt là 58.577.928.000 VND (2.200 VND trên mỗi cổ phiếu) và 18.638.431.700 VND (700 VND trên mỗi cổ phiếu).

31. Các công cụ tài chính

a) Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Các loại rủi ro tài chính mà Nhóm công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình là:

- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản; và
- Rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Nhóm công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Nhóm công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Nhóm công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản tiền gửi ngân hàng.

i. Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn	(ii)	127.920.478.507	50.274.076.292
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	(iii)	153.906.410.802	110.437.002.047
		281.826.889.309	160.711.078.339

ii. Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn

Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng của Nhóm công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Nhóm công ty.

i. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Nhóm công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Nhóm công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Nhóm công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Nhóm công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Giá trị gộp VND	**Dự phòng phải thu khó đòi VND**	**Giá trị gộp VND**	**Dự phòng phải thu khó đòi VND**
Trong hạn	78.414.491.917	-	59.678.529.307	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	68.452.385.551	-	47.564.088.797	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	7.002.794.751	-	1.858.505.161	-
Quá hạn trên 180 ngày	1.917.615.519	(1.880.876.936)	3.421.376.988	(2.085.498.206)
	155.787.287.738	(1.880.876.936)	112.522.500.253	(2.085.498.206)

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	2012 VND	**2011 VND**
Số dư đầu năm	2.085.498.206	450.939.561
Tăng trong năm	81.795.429	1.634.558.645
Hoàn nhập	(286.416.699)	-
Số dư cuối năm	1.880.876.936	2.085.498.206

c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Nhóm công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Nhóm công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Nhóm công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Nhóm công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

31/12/2012

	Giá trị ghi sổ VND	**Dòng tiền theo hợp đồng VND**	**Trong vòng 1 năm VND**	**1 – 2 năm VND**
Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	296.680.553.974	296.680.553.974	296.680.553.974	-
Vay ngắn hạn	292.690.478.278	295.364.742.321	295.364.742.321	-
Các khoản phải trả dài hạn khác	523.000.000	523.000.000	-	523.000.000
	589.894.032.252	592.568.296.295	592.045.296.295	523.000.000

31/12/2011

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND
Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	241.953.115.808	241.953.115.808	241.953.115.808	-
Vay ngắn hạn	355.083.299.779	360.274.194.985	360.274.194.985	-
Vay dài hạn	16.261.492.104	17.668.321.343	9.237.904.753	8.430.416.590
Các khoản phải trả dài hạn khác	1.019.000.000	1.019.000.000	-	1.019.000.000
	614.316.907.691	620.914.632.136	611.465.215.546	9.449.416.590

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác bao gồm khoản phải trả người bán, phải trả người lao động, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Nhóm công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Nhóm công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Nhóm công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

i. Rủi ro lãi suất

Nhóm công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (USD) và Đồng Euro (EUR).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Nhóm công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Nhóm công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2012		31/12/2011	
	USD	**EUR**	**USD**	**EUR**
Tiền và các khoản tương đương tiền	232.564	-	64.243	-
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	1.420.295	-	1.145.938	-
Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	(4.496.388)	-	(2.614.340)	(58.615)
Vay ngắn hạn	(14.067.289)	-	(12.781.566)	-
Vay dài hạn	-	-	(406.030)	(205.390)
	(16.910.818)	-	(14.591.755)	(264.005)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Nhóm công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2012	**31/12/2011**
	VND	**VND**
USD	20.810	21.036
EUR	27.322	27.282

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Nhóm công ty, sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng trên lợi nhuận thuần tại ngày
	VND
31/12/2012	
USD (yếu đi 1,07%)	2.828.334.339
31/12/2011	
USD (mạnh thêm 8%)	(18.235.023.651)
EUR (yếu đi 0,3%)	16.205.787

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Nhóm công ty.

ii. Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Nhóm công ty như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính		
Tiền gửi ngân hàng	29.920.478.507	50.274.076.292
Các khoản tương đương tiền	53.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn	45.000.000.000	-
Nợ phải trả tài chính		
Vay dài hạn	-	(16.261.492.104)
	127.920.478.507	34.012.584.188
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Nợ phải trả tài chính		
Vay ngắn hạn	(292.690.478.278)	(355.083.299.779)

Việc tăng 100 điểm cơ bản trong lãi suất sẽ làm lợi nhuận thuần của Nhóm công ty giảm 420 triệu VND (2011: 3.186 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

e) Giá trị hợp lý

i. Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Nhóm công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính theo yêu cầu thuyết minh tại Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 vì (i) giá niêm yết trên thị trường năng động không có sẵn cho các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp giá niêm yết trên thị trường năng động không có sẵn.

ii. So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được trình bày tại bảng cân đối kế toán theo từng loại nêu trong thuyết minh 3(n) như sau. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	**31/12/2011**
	VND	**VND**
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:		
- Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn	127.920.478.507	50.274.076.292
- Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	155.787.287.738	112.522.500.253
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:		
- Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	(296.680.553.974)	(241.953.115.808)
- Các khoản vay	(292.690.478.278)	(371.344.791.883)
	(305.663.266.007)	(450.501.331.146)

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Nhóm công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2012	**2011**
	VND	**VND**
Các nhà đầu tư		
Chi trả cổ tức	77.216.359.900	65.678.274.800
Các bên liên quan		
Khoản vay nhận được	-	33.321.671.982
Ký quỹ	15.000.000.000	15.000.000.000
Chi phí lãi vay	-	(211.234.143)
Ký quỹ nhận được	-	62.279.978.965
Lãi tiền gửi	128.000.000	2.090.944.667
Mua vật liệu	10.130.963.950	230.172.830
Thành viên Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị		
Tiền lương và thưởng	5.230.539.534	5.981.058.511

33. Cam kết

Chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Nhóm công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2012	**31/12/2011**
	VND	**VND**
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	4.931.470.486	13.244.733.959

Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong vòng một năm	1.904.090.000	1.177.127.250
Trong vòng hai đến năm năm	3.897.104.000	2.721.760.000
Sau năm năm	669.730.000	900.845.000
	6.470.924.000	4.799.732.250

Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.073.319.015.493	1.442.029.027.317
Chi phí nhân công trong chi phí sản xuất	145.780.505.579	149.585.368.018
Chi phí khấu hao	52.528.035.786	35.197.821.593
Chi phí dịch vụ mua ngoài	77.264.441.368	57.614.994.806
Chi phí khác	247.932.444.798	142.106.900.055

Ngày 22 tháng 3 năm 2013

Người lập	Người duyệt
Nguyễn Duy Hưng	**Trần Thanh Văn**
Kế toán trưởng	*Tổng Giám đốc*



CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

★ **XÍ NGHIỆP ẮC QUY ĐỒNG NAI**
Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai
ĐT : (84.61) 3836 116
Fax : (84.61) 3835 546

★ **XÍ NGHIỆP ẮC QUY ĐỒNG NAI 2**
Địa chỉ: Đường N2, KCN Dệt May Nhơn Trạch, Nhơn Trạch, Đồng Nai
ĐT : (84.61) 3569 968
Fax : (84.61) 3566 066

★ **XÍ NGHIỆP ẮC QUY SÀI GÒN**
Địa chỉ: Lô 64, Đường số 2, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Tp. HCM
ĐT : (84.8) 3754 0244
Fax : (84.8) 3754 0663

★ **XÍ NGHIỆP PIN CON Ó**
Địa chỉ: 752 Hậu Giang, Quận 6, Tp. HCM
ĐT : (84.8) 3875 0556
Fax : (84.8) 3875 0190

★ **CHI NHÁNH HÀ NỘI**
Địa chỉ: 18 ngõ 44 Đức Giang, P. Thượng Thanh, Q. Long Biên, Hà Nội
ĐT : (84.4) 3655 7634
Fax : (84.4) 3933 0728

★ **CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG**
Địa chỉ: 348 Điện Biên Phủ, Quận Thanh Khê, Đà Nẵng
ĐT : (84.511) 3649 957
Fax : (84.511) 3649 956

CỬA HÀNG GIỚI THIỆU SẢN PHẨM

★ 1A Đặng Thái Thân, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	ĐT: (84.4) 3826 1030
★ Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai	ĐT: (84.61) 3836 116
★ 23 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Tp. HCM	ĐT: (84.8) 3829 3932
★ 321 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Tp. HCM	ĐT: (84.8) 3836 8529
★ 752 Hậu Giang, Quận 6, Tp. HCM	ĐT: (84.8) 3751 6145
★ 162 Võ Văn Kiệt, P. 1, Quận 6, Tp. HCM	ĐT: (84.8)

200 NHÀ PHÂN PHỐI VÀ ĐẠI LÝ TRÊN TOÀN QUỐC

04/2013